



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**



MỤC LỤC



I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
6. Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội

III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm và môi trường và xã hội

IV ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm nhìn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh điện giữ vị trí quan trọng trong hệ thống điện quốc gia và khu vực, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; đồng thời cung ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân tại các vùng hạ du.



Sứ mệnh

Hướng tới sự hài lòng của khách hàng, bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty thông qua hoạt động sản xuất điện và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng không ngừng được nâng cao.



Giá trị cốt lõi

- Chuyên nghiệp và Chất lượng;
- Tận tâm và Trí tuệ;
- Hợp tác và Chia sẻ;
- Sáng tạo và Hiệu quả.



I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro



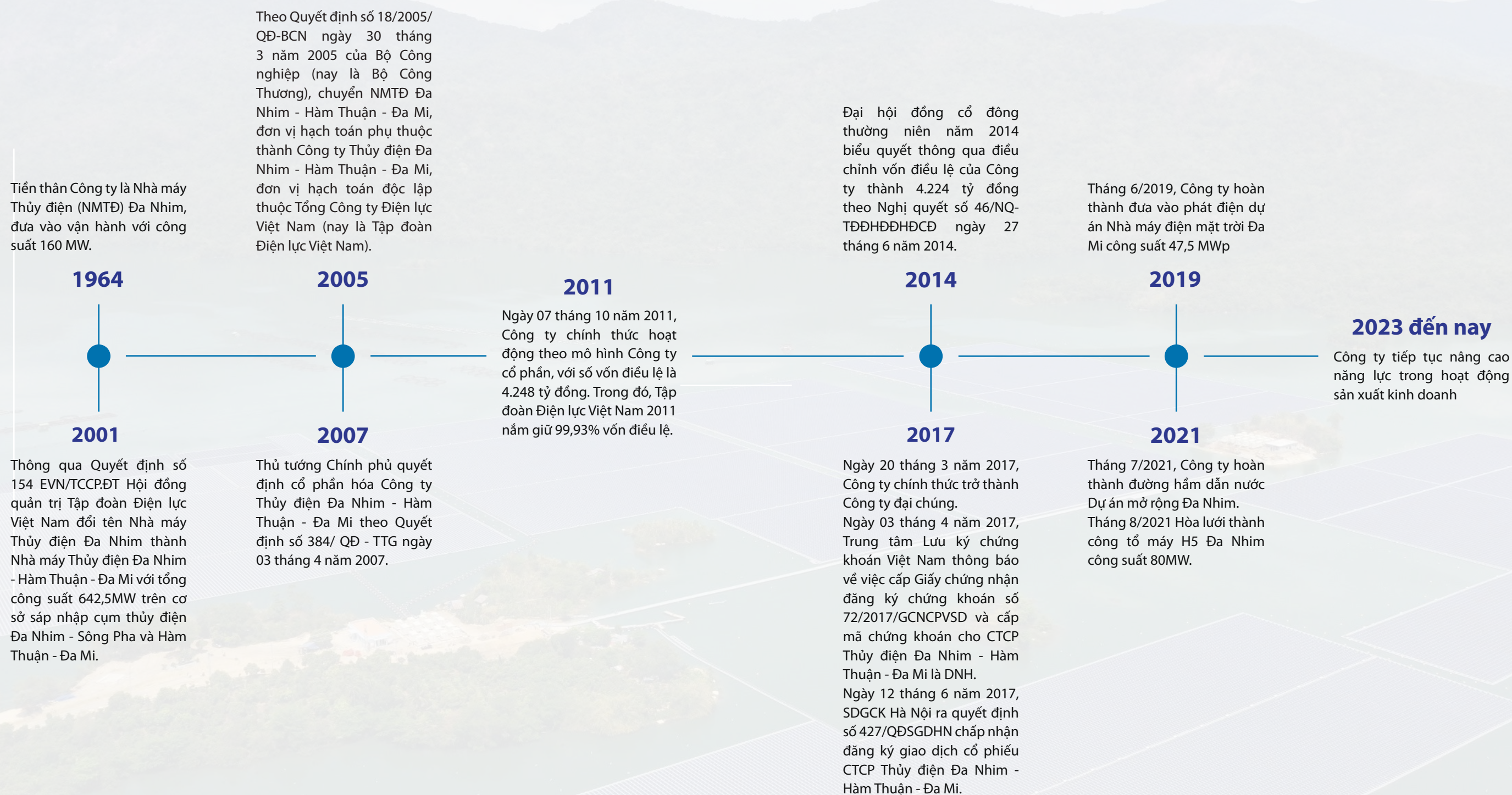


01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI
Tên tiếng Anh:	DA NHIM - HAM THUAN - DA MI HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	EVNHPCDHD
Mã cổ phiếu:	DNH
Vốn điều lệ:	4.224.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	4.224.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 80A, Trần Phú, Phường B’Lao, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 5800452036, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005, thay đổi lần 10 ngày 07 tháng 7 năm 2022
Điện thoại	(0263) 3728 171
Fax	(0263) 3866 457
Email	trusochinh@dhd.com.vn
Website:	https://www.dhd.com.vn

02 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



CÁC THÀNH TỰU CỦA CTCP THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Năm	Thành tích
1979	Huân chương Độc lập hạng Ba
1985	Huân chương Lao động hạng Hai
1997	Huân chương Lao động hạng Nhất
2000	Bằng khen Bộ Công Thương Huân chương Độc lập hạng Ba Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
2001	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2002	Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận Bằng khen Công an tỉnh Bình Thuận
2003	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2004	Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2004 Cờ thi đua xuất sắc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Y tế
2005	Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2006	Anh hùng Lao động năm 2006 Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận Bằng khen Bộ Công Thương
2007	Bằng khen Bộ Công Thương Cờ thi đua Bộ Công Thương
2008	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng



Năm	Thành tích
2009	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2010	Huân chương Độc lập hạng Nhì Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2011	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2012	Bằng khen Bộ Công Thương
2013	Bằng khen Bộ Công Thương
2014	Huân chương Độc lập hạng Nhì Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2015	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2016	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2017	Bằng khen Bộ Công Thương
2018	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2019	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2020	Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng
2021	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2022	Giấy khen Sở công thương tỉnh Lâm Đồng
2024	Cờ của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

03 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

▶ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1	3511 (Chính)	Sản xuất điện
2	0311	Khai thác thủy sản biển
3	0312	Khai thác thủy sản nội địa
4	0321	Nuôi trồng thủy sản biển
5	0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
6	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
7	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
8	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
9	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
10	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
11	6810	Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
12	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết:- Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận, chỉnh định hiệu chỉnh: Vật tư thiết bị điện, thiết bị môi trường, thiết bị và dụng cụ đo lường, thiết bị và dụng cụ an toàn; Thử nghiệm, kiểm định, tính toán trị số bảo vệ và cài đặt rơ-le; - Thử nghiệm, kiểm định thiết bị và hệ thống tín hiệu (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); - Thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và phụ kiện, cấu kiện thép bê tông.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Kinh doanh, cung ứng vật tư, thiết bị ngành điện.
14	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh điện năng.
15	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp
16	0220	Khai thác gỗ
17	0231	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
18	8531	Đào tạo sơ cấp
19	7020	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; - Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, dầu khí.
20	2790	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện, dụng cụ điện.
21	3314	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết:- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện; - Sửa chữa thiết bị điện, dụng cụ điện.
22	3512	Truyền tải và phân phối điện
23	4221	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, phong điện, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 500 KV.
24	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

▶ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi có địa bàn hoạt động trải dài trên hai tỉnh Lâm Đồng và Khánh Hòa với:

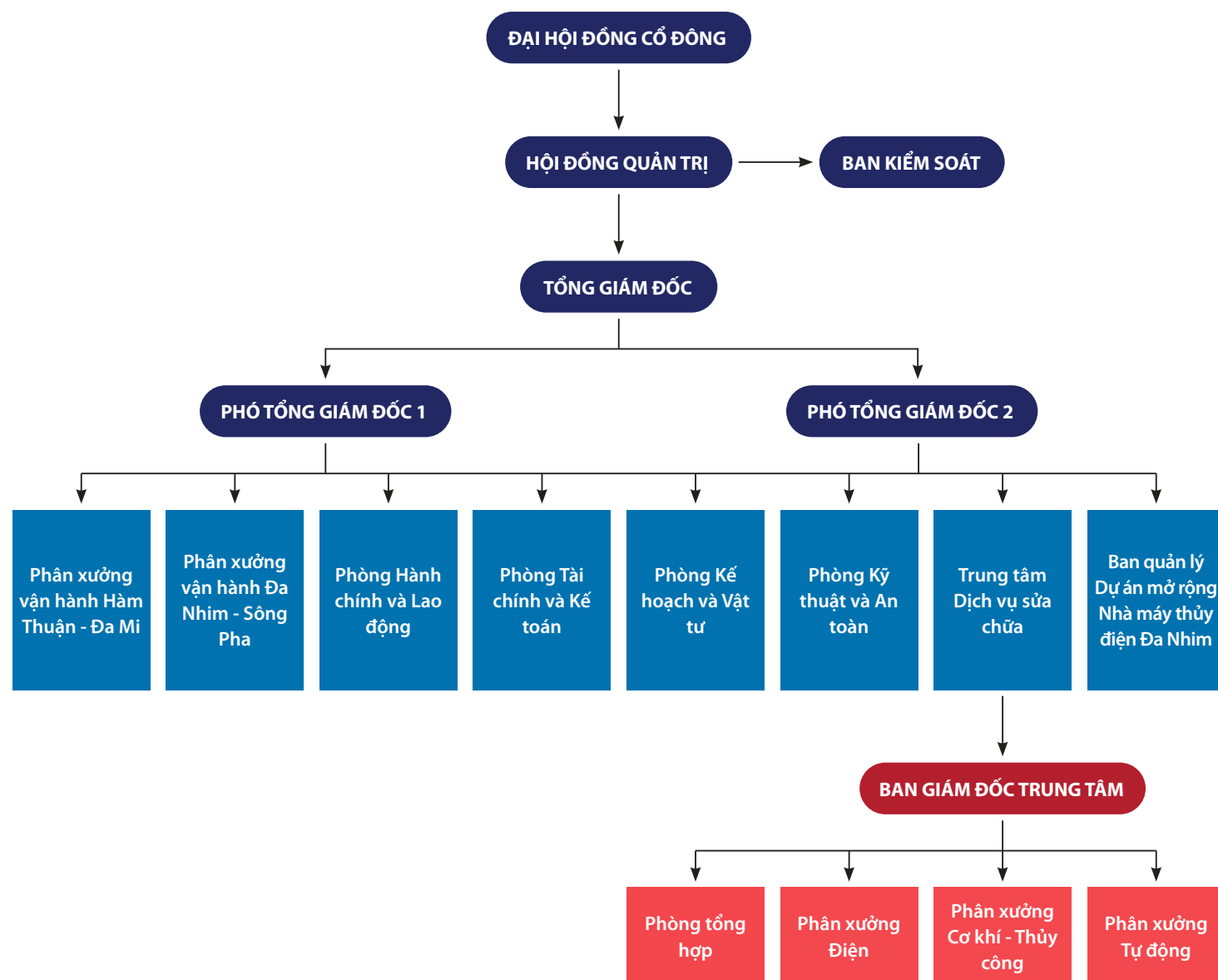
- Hai cụm nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha, Hàm Thuận - Đa Mi
- Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi.



04 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ



► CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



► MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

PHÒNG BAN LIÊN QUAN

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được Ban phân công liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



► CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	Vốn điều lệ	VĐL DNH thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con					
CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	Thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng	160 tỷ đồng	112 tỷ đồng	70%
Công ty liên kết					
CTCP Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng	500 tỷ đồng	100 tỷ đồng	20%

05 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

► CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Bảo đảm vận hành an toàn, ổn định các nhà máy thủy điện hiện hữu, góp phần giữ vững an ninh năng lượng quốc gia, phần đầu hoàn thành và vượt kế hoạch sản lượng điện được giao; chủ động sẵn sàng ứng phó, phòng chống lụt bão tại các Nhà máy khi xảy ra mưa lũ;
- Tối ưu hóa công tác vận hành, khai thác các hồ chứa, đồng thời bảo đảm cấp nước cho khu vực hạ du;
- Cung cấp các dịch vụ gồm: Quản lý xây dựng; thí nghiệm, hiệu chỉnh và kiểm định an toàn thiết bị điện; sửa chữa thiết bị cơ khí, điện tại các nhà máy điện và trạm điện; đào tạo và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện;
- Tiếp tục ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý kỹ thuật, bảo đảm vận hành an toàn, liên tục và ổn định trong cung ứng điện; các tổ máy luôn sẵn sàng huy động theo phương thức điều độ;



- Tăng cường năng lực của Công ty trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật;
- Quản trị chi phí hiệu quả, triển khai các giải pháp gia tăng doanh thu và nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại, bảo đảm công bằng và minh bạch; phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tác phong và phương pháp làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, ứng xử văn minh, lịch sự, mang lại sự hài lòng cho đối tác và khách hàng;
- Cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và bảo đảm thu nhập ổn định cho người lao động.



► CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên nước, bảo đảm vận hành an toàn công trình và thiết bị.
- Phát triển lĩnh vực năng lượng, bao gồm thủy điện và điện mặt trời.
- Nâng cao năng lực của Công ty trong hoạt động cung ứng dịch vụ kỹ thuật.
- Tiếp tục tạo ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật trong dây chuyền công nghệ sản xuất.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Đẩy mạnh việc lan tỏa văn hóa doanh nghiệp vào toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành, đầu tư xây dựng và quản trị doanh nghiệp; phát huy văn hóa lãnh đạo, văn hóa học tập và đổi mới sáng tạo, văn hóa số, văn hóa kinh doanh và văn hóa an toàn lao động nhằm tạo động lực cho sự phát triển toàn diện, bền vững.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng.



► CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Theo định hướng phát triển bền vững, Công ty xây dựng các mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn liền với mục tiêu môi trường - xã hội trong cả ngắn hạn và dài hạn. Đây được xác định là những nhiệm vụ mang tính liên kết, không thể tách biệt, nhằm củng cố vị thế, nâng cao uy tín, mở rộng tầm ảnh hưởng và góp phần nâng cao vị thế trong ngành điện năng:

- Tiếp tục vận hành và phát triển các công nghệ Xanh, Sạch, Thân thiện với môi trường với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Tổ chức, khuyến khích và tạo điều kiện để Cán bộ công nhân viên, người lao động tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên tinh thần tự nguyện.
- Chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý giám sát chặt chẽ các nguồn chất thải nguy hại và xử lý đúng quy định nhằm "bảo vệ môi trường gắn với phát triển bền vững".
- Đảm bảo an toàn lao động; không để phát sinh sự cố cháy nổ, tai nạn lao động.



06 CÁC RỦI RO

► RỦI RO KINH TẾ

Bước sang năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục vận động trong bối cảnh nhiều yếu tố bất ổn cùng tồn tại, tạo ra áp lực rủi ro đáng kể đối với các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam, cũng như đối với ngành điện và lĩnh vực thủy điện. Dù triển vọng phục hồi kinh tế thế giới vẫn được duy trì, các trung tâm kinh tế lớn như Hoa Kỳ, châu Âu và Trung Quốc vẫn phải đối mặt với hệ quả kéo dài của lạm phát, định hướng chính sách tiền tệ thận trọng và những căng thẳng địa chính trị chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Việc duy trì mặt bằng lãi suất cao trong thời gian dài của các ngân hàng trung ương lớn có thể gây áp lực lên tỷ giá, chi phí sử dụng vốn và dòng vốn đầu tư toàn cầu, từ đó tác động gián tiếp đến môi trường kinh doanh và khả năng huy động vốn của các doanh nghiệp trong nước.



Tại Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, thể hiện nỗ lực của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng và cải thiện môi trường đầu tư. Tuy nhiên, kết quả tăng trưởng này vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ bối cảnh kinh tế quốc tế, đặc biệt là diễn biến xuất khẩu và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những biến động bất lợi từ thị trường toàn cầu, bao gồm suy giảm nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm hoặc biến động mạnh của tỷ giá, có thể ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp, tiêu dùng và đầu tư trong nước, qua đó làm giảm nhu cầu sử dụng điện năng.

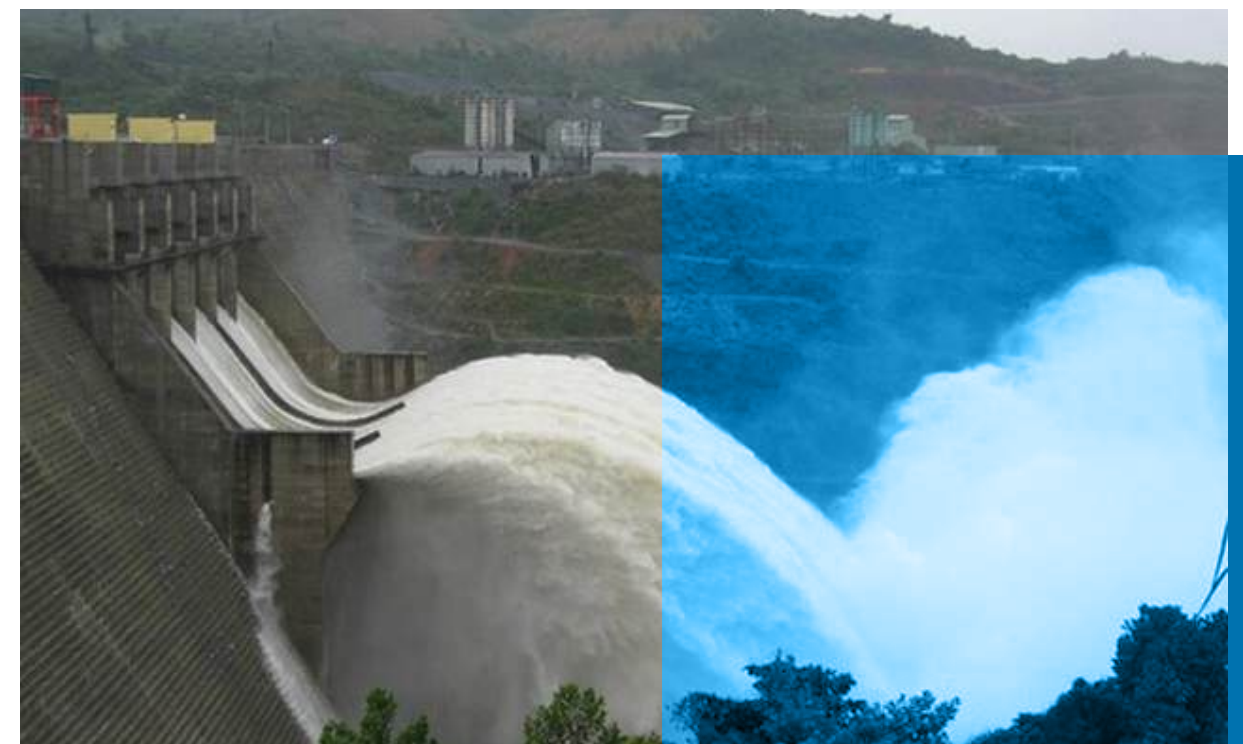
Đối với ngành điện, mặc dù nhu cầu điện được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng song song với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, rủi ro mất cân đối giữa cung và cầu điện vẫn hiện hữu, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm mùa khô hoặc khi điều kiện thủy văn không thuận lợi. Bên cạnh đó, tiến độ đầu tư và hoàn thiện hệ thống lưới điện truyền tải, nhất là các dự án trọng điểm, nếu không theo kịp tốc độ tăng nhu cầu có thể hạn chế khả năng huy động công suất tối ưu của các nhà máy điện, trong đó có các nhà máy thủy điện, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác và doanh thu.

Song song với đó, quá trình phát triển thị trường điện cạnh tranh và định hướng chuyển dịch cơ cấu nguồn điện theo hướng gia tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời đang làm gia tăng mức độ cạnh tranh trong việc huy động nguồn và xác định giá bán điện. Việc điều chỉnh chính sách giá điện, thay đổi cơ chế ưu đãi đối với năng lượng tái tạo, cùng với xu hướng gia tăng chi phí vận hành, bảo dưỡng và chi phí tài chính, có thể tạo sức ép đáng kể lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp thủy điện trong trung và dài hạn. Ngoài các yếu tố kinh tế và thị trường, hoạt động



thủy điện còn chịu tác động ngày càng rõ nét từ biến đổi khí hậu và các rủi ro thủy văn. Những biến động khó lường của lượng mưa, tình trạng khô hạn kéo dài hoặc các hiện tượng mưa lũ cực đoan không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng phát điện mà còn tiềm ẩn rủi ro đối với an toàn công trình, công tác vận hành và khả năng ổn định dòng tiền của doanh nghiệp. Dù thủy điện vẫn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu nguồn điện quốc gia nhờ chi phí sản xuất thấp và khả năng điều tiết hệ thống, hiệu quả hoạt động của các nhà máy vẫn phụ thuộc lớn vào điều kiện thủy văn thực tế và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trước bối cảnh kinh tế năm 2025 tiềm ẩn nhiều rủi ro, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi chủ động xây dựng các kịch bản sản xuất – kinh doanh và kế hoạch tài chính phù hợp với từng tình huống. Công ty tập trung tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và đảm bảo hoạt động sản xuất điện an toàn, liên tục. Đồng thời, Ban Lãnh đạo tăng cường công tác quản trị rủi ro, theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường điện và điều kiện thủy văn để kịp thời điều chỉnh chiến lược điều hành, chủ động ứng phó với các rủi ro phát sinh và tận dụng hiệu quả các cơ hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.





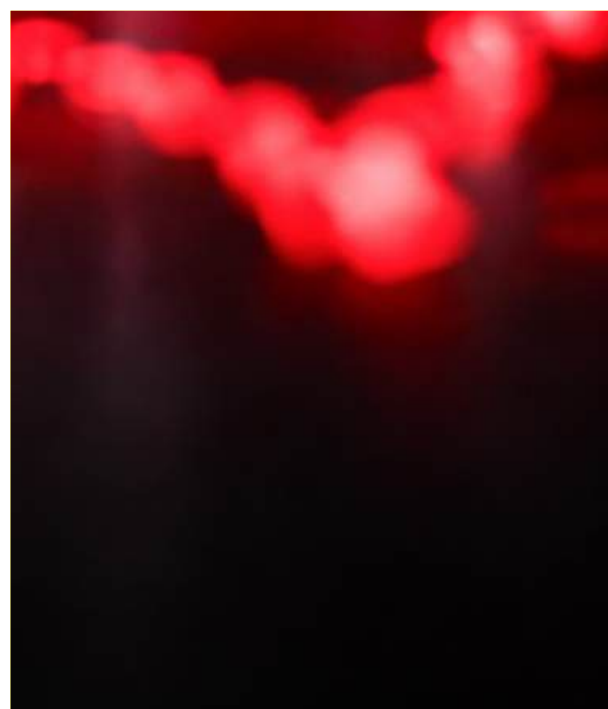
06 CÁC RỦI RO

► RỦI RO LÃI SUẤT

Đặc thù của hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trong ngành điện, đặc biệt là thủy điện, là nhu cầu sử dụng nguồn vốn vay trung và dài hạn ở mức cao. Do đó, các biến động của lãi suất cho vay ngân hàng được xem là một trong những rủi ro tài chính trọng yếu, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn, hiệu quả đầu tư và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất trong nước được duy trì ở mức tương đối ổn định và thấp hơn so với giai đoạn trước, nhờ chính sách điều hành tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), trong bối cảnh một số ngân hàng trung ương lớn trên thế giới bắt đầu chu kỳ nới lỏng chính sách. Tuy nhiên, rủi ro lãi suất vẫn tồn tại do những bất định của kinh tế toàn cầu liên quan đến lạm phát, biến động tỷ giá và căng thẳng địa chính trị, có thể tác động đến thị trường tài chính quốc tế và ảnh hưởng lan tỏa đến mặt bằng lãi suất trong nước.

Để hạn chế tác động từ rủi ro này, Ban Lãnh đạo Công ty chủ động triển khai các biện pháp quản trị tài chính như cơ cấu lại danh mục các khoản vay, lựa chọn các khoản vay có điều kiện lãi suất và kỳ hạn phù hợp, đồng thời thường xuyên theo dõi diễn biến chính sách tiền tệ và xu hướng lãi suất của hệ thống ngân hàng. Qua đó, Công ty kiểm soát chi phí tài chính, đảm bảo ổn định dòng tiền và duy trì nền tảng tài chính an toàn cho mục tiêu phát triển bền vững.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCoM - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Với tư cách là công ty đại chúng, Công ty có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động doanh nghiệp, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý hướng dẫn có liên quan.

Trong những năm gần đây, cùng với sự biến động của môi trường kinh tế vĩ mô, hệ thống pháp luật tại Việt Nam liên tục được rà soát và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với định hướng phát triển thị trường. Đặc biệt, nhằm hướng tới việc gia tăng khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài và nâng hạng thị trường chứng khoán, các quy định liên quan đến quản trị công ty, công bố thông tin và minh bạch hóa hoạt động ngày càng được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế.

Với bề dày hơn 60 năm hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, Công ty luôn chủ động cập nhật các thay đổi của hệ thống pháp luật, đánh giá tác động đến hoạt động sản xuất – kinh doanh và điều chỉnh các quy trình quản trị nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành. Việc thích ứng kịp thời với các thay đổi pháp lý giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định và hạn chế các rủi ro phát sinh.

Bên cạnh việc tuân thủ hệ thống pháp luật chung áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam, hoạt động của DNH còn chịu sự chi phối bởi khung pháp lý chuyên biệt trong các lĩnh vực năng lượng và môi trường, bao gồm Luật Tài nguyên nước, Luật Điện lực, Luật Khí tượng, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nhận thức rõ các rủi ro phát sinh từ sự thay đổi chính sách và quy định pháp luật, Công ty chủ động xây dựng cơ chế theo dõi, cập nhật pháp lý thường xuyên, đồng thời sử dụng dịch vụ của các đơn vị tư vấn pháp luật có uy tín khi triển khai các giao dịch có mức độ phức tạp trong và ngoài nước, qua đó tăng cường mức độ tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động.



06 CÁC RỦI RO

► RỦI RO VẬN HÀNH

Trong năm 2025, điều kiện thủy văn tại Việt Nam nhìn chung có xu hướng tích cực hơn so với một số năm trước, thể hiện qua việc mùa mưa đến sớm và lưu lượng nước đổ về các hồ chứa được cải thiện. Tuy vậy, diễn biến thủy văn vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, có sự biến động theo từng khu vực và từng thời điểm. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng tác động rõ rệt, những thay đổi bất thường về lượng mưa và dòng chảy có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch vận hành cũng như sản lượng phát điện của các nhà máy thủy điện.

Đối với DNH, rủi ro vận hành chủ yếu xuất phát từ tính không ổn định của nguồn nước, bao gồm các giai đoạn mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn hoặc tình trạng khô hạn cục bộ. Những yếu tố này tạo áp lực đáng kể đối với công tác điều tiết hồ chứa, yêu cầu Công ty phải đồng thời đảm bảo an toàn công trình, đáp ứng mục tiêu phát điện, thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai và duy trì cấp nước cho khu vực hạ du. Sự biến động của điều kiện thủy văn có thể dẫn đến gia tăng chi phí vận hành và ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh trong từng giai đoạn.

Để chủ động kiểm soát và hạn chế các rủi ro nêu trên, DNH tiếp tục tăng cường công tác theo dõi, dự báo thủy văn, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và đơn vị điều độ hệ thống trong việc xây dựng và triển khai các phương án vận hành hồ chứa linh hoạt, phù hợp với diễn biến thực tế. Song song với đó, Công ty chú trọng công tác bảo trì, nâng cấp thiết bị và nâng cao độ tin cậy của hệ thống nhằm giảm thiểu rủi ro kỹ thuật trong quá trình vận hành. Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, DNH cũng đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hồ đập và bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực. Những giải pháp này góp phần giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định, hạn chế các tác động bất lợi từ biến động thủy văn và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.



► RỦI RO THỜI TIẾT

Các hồ thủy điện và hồ chứa tại các nhà máy thủy điện giữ vai trò then chốt trong việc điều tiết dòng chảy, góp phần giảm thiểu tình trạng hạn hán và hạn chế nguy cơ lũ lụt. Theo đánh giá của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong các đợt mưa bão lớn, mực nước hồ dâng cao tạo áp lực đáng kể lên hệ thống công trình, buộc các nhà máy thủy điện phải thực hiện xả lũ nhằm giảm tải dung tích hồ và đảm bảo an toàn cho hạ tầng. Đối với các nhà máy của DNH, do nằm ở khu vực có cao trình tương đối lớn, công tác xả lũ đòi hỏi sự tính toán kỹ lưỡng nhằm vừa đạt được mục tiêu giảm áp lực mực nước, vừa hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến môi trường và nguy cơ ngập lụt khu vực hạ du. Điều này đặt ra yêu cầu đối với Ban Lãnh đạo trong việc xây dựng các phương án và chính sách điều tiết hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế.

Bên cạnh đó, đặc thù của các dự án thủy điện là yêu cầu nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn, trong khi quá trình vận hành tiềm ẩn rủi ro phát sinh sự cố kỹ thuật có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ những thách thức này, Ban Lãnh đạo DNH đã triển khai hệ thống quản trị rủi ro nhằm hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra. Hiện nay, toàn bộ đập và hồ chứa của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được đăng ký đảm bảo an toàn và hoàn thiện đầy đủ báo cáo đánh giá hiện trạng an toàn đập theo quy định của Cục An toàn Kỹ thuật Môi trường. Đồng thời, Công ty duy trì sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan và đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, qua đó đảm bảo hoạt động vận hành được thực hiện an toàn và hiệu quả.



Các hồ thủy điện và hồ chứa tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết dòng chảy, góp phần giảm nhẹ tác động của hạn hán và kiểm soát nguy cơ lũ lụt. Tuy nhiên, trong bối cảnh thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, đặc biệt là sự gia tăng của các hiện tượng mưa bão cực đoan, mực nước hồ có thể tăng nhanh trong thời gian ngắn, gây áp lực lớn đối với công tác vận hành. Trong những tình huống này, việc xả lũ là biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và hệ thống hạ tầng liên quan.

Đối với các nhà máy của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, nằm tại những khu vực có điều kiện địa hình và tự nhiên đặc thù, công tác vận hành hồ chứa và điều tiết xả lũ đòi hỏi sự cân nhắc thận trọng và linh hoạt. Quá trình điều tiết cần đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu giảm áp lực mực nước, bảo vệ an toàn đập và hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến môi trường cũng như nguy cơ ngập lụt khu vực hạ du. Do đó, rủi ro thời tiết đặt ra yêu cầu cao đối với Ban Lãnh đạo trong việc xây dựng các phương án vận hành phù hợp với diễn biến thực tế.

Ngoài yếu tố vận hành, các dự án thủy điện còn đối mặt với rủi ro về kỹ thuật và tài chính do đặc thù vốn đầu tư lớn và tác động ngày càng rõ nét của các hiện tượng thời tiết cực đoan. Trên cơ sở nhận diện đầy đủ các rủi ro này, Ban Lãnh đạo DNH đã triển khai hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, đảm bảo toàn bộ đập và hồ chứa được đăng ký an toàn, đánh giá hiện trạng theo đúng quy định, đồng thời duy trì sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng nhằm đảm bảo hoạt động vận hành an toàn, hiệu quả và chủ động ứng phó với các rủi ro phát sinh do yếu tố thời tiết.

06 CÁC RỦI RO

► RỦI RO ĐỘC QUYỀN

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện năng, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi chịu sự quản lý và điều tiết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cùng các đơn vị liên quan trong hệ thống thị trường điện, bao gồm Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (NSMO) và Công ty Mua bán điện (EPTC). Trong mô hình thị trường điện hiện nay, EPTC là đơn vị chủ yếu thực hiện việc ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán điện với các nhà máy phát điện, đồng thời điện năng được huy động theo cơ chế thị trường và kế hoạch điều độ của NSMO. Do đó, mức giá bán điện và sản lượng huy động của DNH phụ thuộc đáng kể vào cơ chế vận hành thị trường điện và các quy định, quyết định điều hành của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Cơ chế mua bán điện tập trung và điều độ thống nhất này làm hạn chế mức độ chủ động của doanh nghiệp trong việc xác định giá bán điện, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng xây dựng và triển khai các chiến lược đầu tư, phát triển dài hạn. Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường phát điện cạnh tranh ngày càng hoàn thiện, quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán điện giữa các đơn vị phát điện chịu áp lực cạnh tranh gia tăng. Trước những hạn chế và thách thức từ cơ chế thị trường hiện hành, DNH tập trung triển khai các giải pháp kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực nhằm duy trì khả năng cạnh tranh về giá điện, qua đó đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh và hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững trong dài hạn.

► RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro mang tính đặc thù của ngành điện, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi còn phải đối mặt với các rủi ro bất khả kháng, bao gồm hỏa hoạn, thiên tai, sạt lở đất, dịch bệnh cũng như các rủi ro phát sinh trong quá trình khai thác, vận hành và quản lý tài sản. Đây là những yếu tố rủi ro không thể loại bỏ hoàn toàn, tuy nhiên có thể được chủ động kiểm soát và giảm thiểu thông qua việc xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Trên cơ sở nhận diện đầy đủ các rủi ro nêu trên, Ban Điều hành cùng toàn thể người lao động của Công ty chủ động xây dựng và triển khai các phương án phòng ngừa và ứng phó kịp thời. Đồng thời, Công ty thực hiện mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho người lao động và tăng cường công tác đào tạo về an toàn lao động nhằm giảm thiểu tối đa các tác động bất lợi đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
6. Báo cáo liên quan về tác động môi trường và xã hội của Công ty

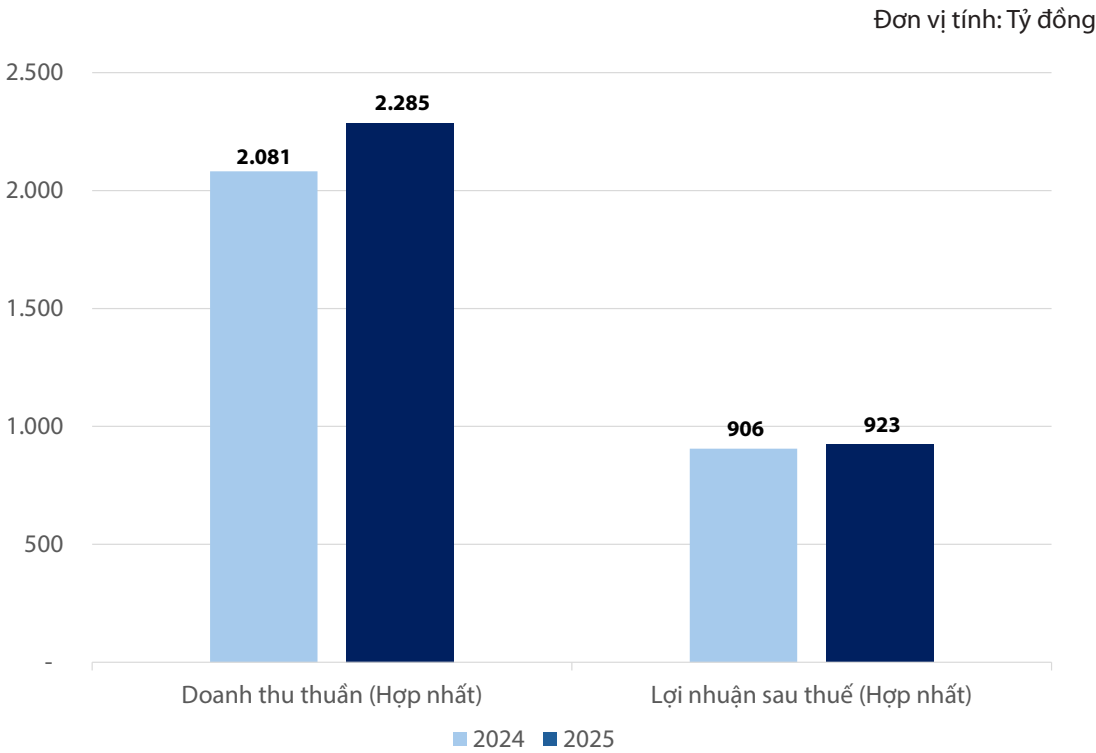


01 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

► TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH năm 2024	TH năm 2025	% TH2025 / TH2024
1	Doanh thu thuần	2.080,59	2.284,69	109,80
	- Doanh thu bán điện	2.078,24	2.279,30	109,67
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,35	4,99	212,34
	- Doanh thu khác	-	0,4	n/a
2	Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	2.806,31	3.272,80	116,64
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.103,57	1.137,70	103,09%
4	Lợi nhuận khác	1,28	0,33	25,78%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.104,85	1.138	103%
6	Lợi nhuận sau thuế	906,27	922,72	101,82%



► CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THEO YẾU TỐ

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH năm 2024	TH năm 2025	% TH2025 / TH2024
1	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong chi phí sản xuất	36,11	25,49	70,59
2	Chi phí nhân công	171,88	180,32	104,91
3	Chi phí sửa chữa lớn	33,59	24,51	72,97
4	Chi phí khấu hao tài sản cố định	389,62	389,97	100,08
5	Thuế, phí và lệ phí khác	409,84	495,29	120,85
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	64,79	62,29	96,14
7	Chi phí khác bằng tiền	524,29	595,06	113,50
Tổng cộng		1.630,12	1.772,93	108,76

02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 147.736.085 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 34,97%
2	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Cá nhân: 7.100 CP Đại diện: 84.420.620 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 19,99%
3	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng giám đốc	Cá nhân: 1.000 CP Đại diện: 0 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 0%
4	Ông Ngô Thế Long	Kế toán trưởng	Cá nhân: 1.400 CP Đại diện: 0 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 0%

(*) SLCP sở hữu theo DSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ông Đặng Văn Cường - Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hoá và cung cấp điện
Quá trình công tác:
+ Từ 09/1992 đến 03/1996: Kỹ sư Tổ Thí nghiệm điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
+ Từ 04/1996 đến 09/1997: Trưởng ca tập sự, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
+ Từ 09/1997 đến 11/1999: Trưởng ca Vận hành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
+ Từ 12/1999 đến 06/2001: Kỹ sư, Ban Chuẩn bị sản xuất Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 07/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 12/2002 đến 08/2007: Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 08/2007 đến 09/2007: Phó Trưởng Ban Chuẩn bị sản xuất, Nhà máy thủy điện Đại Ninh.
+ Từ 09/2007 đến 07/2022: Phó Giám đốc, Công ty thủy điện Đại Ninh.
+ Từ 02/2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 07/2022 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
Số cổ phiếu nắm giữ:
+ Cá nhân sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%
+ Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 147.736.085 CP, tỷ lệ: 34,97%

Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Điện
Quá trình công tác:
+ Từ 8/1998 đến 6/2001: Kỹ sư điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
+ Từ 7/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc PX Vận hành 2 - NM thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 01/2003 đến 4/2008: Quản đốc PX Vận hành 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 5/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng Sản xuất Đa Nhim - Sông Pha - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 01/2012 đến 5/2017: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 6/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
Số cổ phiếu nắm giữ:
+ Cá nhân sở hữu: 7.100 CP, tỷ lệ: 0%
+ Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 84.420.620 CP, tỷ lệ: 19,99%

Ông Nguyễn Đình Chiến -Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Năng lượng nước
Quá trình công tác:
+ Từ 11/1997 đến 8/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng Sửa chữa 2 - NM thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 9/2005 đến 6/2007: Học Thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.
+ Từ 7/2007 đến 5/2008: Phó Quản đốc PX sửa chữa 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 5/2008 đến 3/2010: Phó phòng Dự án - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 3/2010 đến 01/2011: Trưởng phòng Tư vấn và Thiết kế - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 01/2011 đến 12/2011: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 01/2012 đến 12/2017: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 01/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
Số cổ phiếu nắm giữ:
+ Cá nhân sở hữu: 1.000 CP, tỷ lệ: 0%
+ Đại diện sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%

Ông Ngô Thế Long - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
+ Từ 04/2004 đến 10/2009: Nhân viên Phòng kế toán Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 10/2009 đến 06/2016: Phó phòng Tài chính và Kế toán Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 06/2016 đến 06/2021: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 07/2021 -12/2023: Phó phòng Tài chính và Kế toán Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 01/2024 - 12/2025: Phó phòng Hành chính và Lao động Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
+ Từ 12/20025 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
Số cổ phiếu nắm giữ:
+ Cá nhân sở hữu: 1.400 CP, tỷ lệ: 0%
+ Đại diện sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%

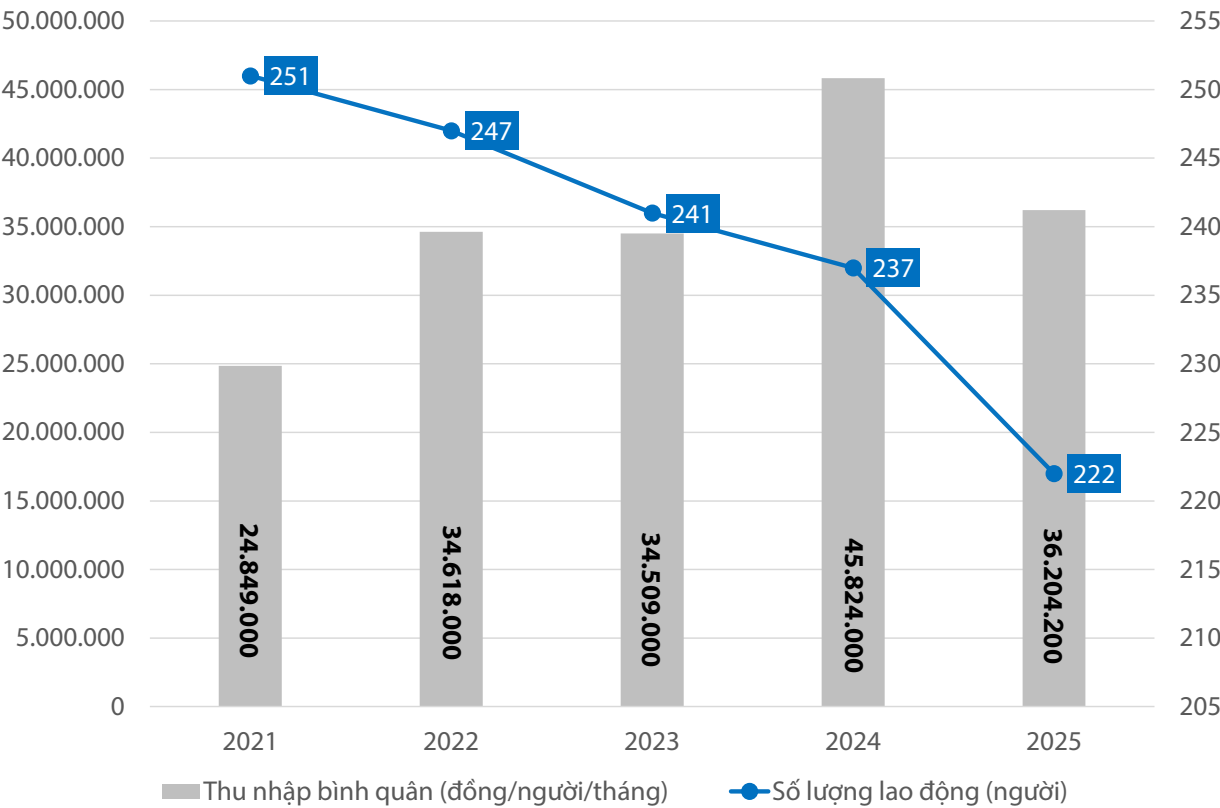
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Không có.



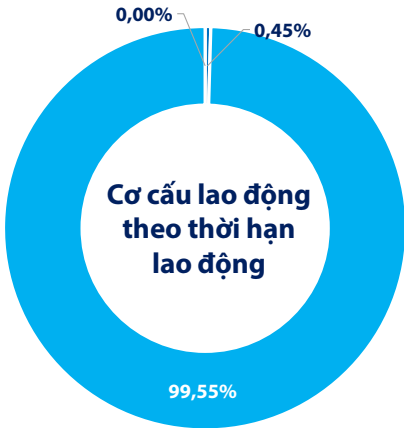
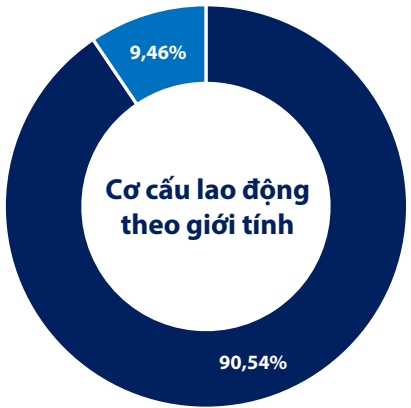
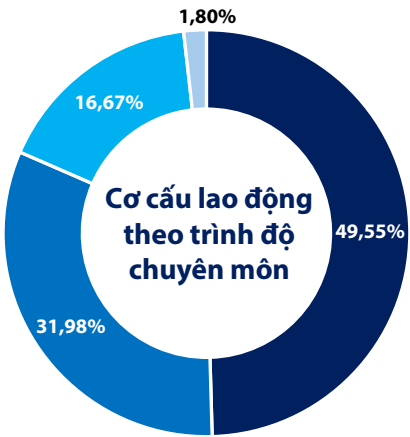
► THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	251	247	241	237	222
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	24.849.000	34.618.000	34.509.000	45.824.000	36.204.200



► SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Năm 2024		Năm 2025	
		Số người	Tỷ trọng	Số người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	237	100%	222	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	118	49,79%	110	49,55%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	73	30,80%	71	31,98%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	42	17,70%	37	16,67%
4	Lao động phổ thông	4	1,71%	4	1,80%
II	Theo giới tính	237	100%	222	100%
1	Nam	215	90,72%	201	90,54%
2	Nữ	22	9,28%	21	9,46%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	237	100%	222	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0%	0	0%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	1	0,04%	1	0,45%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	236	99,96%	221	99,55%



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

► VỀ TUYỂN DỤNG

Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất, vì vậy người lao động luôn giữ vị trí then chốt đối với sự phát triển của mỗi doanh nghiệp. Thấu hiểu điều đó, CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi định hướng công tác tuyển dụng theo mục tiêu thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực chuyên môn và khả năng đáp ứng hiệu quả yêu cầu công việc.

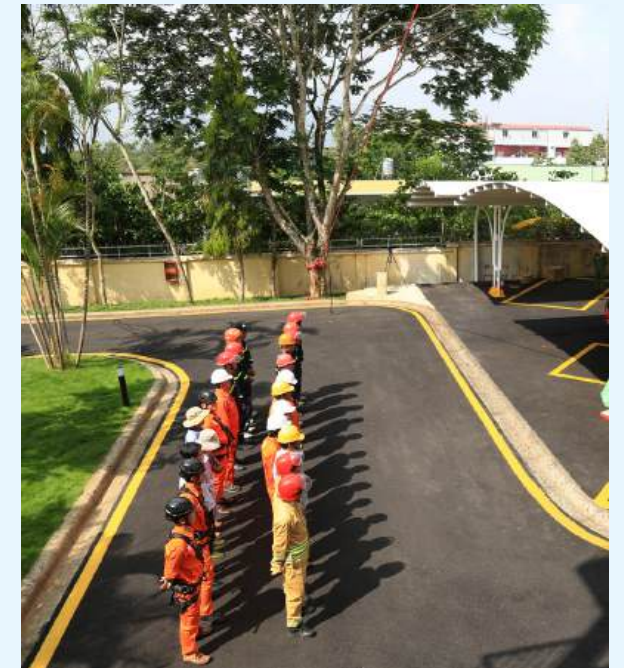
► VỀ ĐÀO TẠO

Công ty định hướng phát triển liên tục và bền vững, do đó luôn ưu tiên đầu tư cho hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách thiết thực và hiệu quả. Một trong những trọng tâm là xây dựng đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật lành nghề, bởi đây là lực lượng nòng cốt bảo đảm sự ổn định và tăng trưởng lâu dài của Công ty. Công ty không chỉ chú trọng các chương trình đào tạo chuyên môn mà còn triển khai các khóa bồi dưỡng kỹ năng thực hiện công việc. Điều này giúp người lao động nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tạo điều kiện để cán bộ kỹ thuật tham gia học tập, trao đổi kinh nghiệm thực tế tại các nhà máy thủy điện có quy mô tương đương nhằm tích lũy kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn. Việc này giúp đội ngũ kỹ thuật có khả năng xử lý các tình huống phức tạp và đề xuất các giải pháp tối ưu cho Công ty. Thông qua các cơ chế đào tạo phù hợp, Công ty khuyến khích người lao động không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ, phát huy năng lực cá nhân, đồng thời tăng cường trách nhiệm đối với Công ty sau quá trình đào tạo.



► VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

- Nhận thức sâu sắc về vai trò của môi trường làm việc an toàn, văn minh và thuận lợi đối với người lao động, Công ty luôn chú trọng xây dựng điều kiện làm việc bảo đảm tiện nghi, vệ sinh và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn. Việc đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ, phù hợp được xem là nền tảng để người lao động yên tâm công tác, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ;
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo đúng quy chuẩn, bảo đảm chất lượng và tính phù hợp với từng vị trí công việc. Công tác quản lý, giám sát và triển khai An toàn lao động được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định pháp luật;
- Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm định định kỳ, đúng thời hạn theo quy định, nhằm bảo đảm vận hành an toàn, hạn chế tối đa rủi ro và phòng ngừa nguy cơ mất an toàn cho người lao động;
- Đối với công tác phòng ngừa và xử lý tình huống khẩn cấp, Công ty thường xuyên tổ chức diễn tập Phòng cháy chữa cháy (PCCC), trang bị kiến thức và kỹ năng ứng phó cho cán bộ, công nhân viên. Đồng thời, hoạt động kiểm tra, giám sát công tác an toàn lao động tại các nhà máy được duy trì định kỳ nhằm bảo đảm mọi quy trình sản xuất đều tuân thủ nghiêm các quy định hiện hành. Công ty luôn hướng tới xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và hiệu quả, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra.



► VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

- Công ty luôn quan tâm và ưu tiên bảo đảm quyền lợi của người lao động, bởi Công ty tin rằng khi nhân viên được đối xử công bằng và được bảo đảm đầy đủ quyền lợi, họ sẽ có thêm động lực làm việc, gắn bó lâu dài và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Công ty không ngừng hoàn thiện chính sách đãi ngộ, không chỉ thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy định pháp luật mà còn quan tâm bảo đảm các lợi ích về vật chất và tinh thần cho người lao động;
- Bên cạnh việc chi trả lương, thưởng đầy đủ, Công ty thực hiện các chính sách phúc lợi như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24; đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, trang bị đồng phục và phương tiện bảo

hộ lao động theo quy định. Những chính sách này giúp người lao động yên tâm công tác, ổn định tâm lý và tập trung hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Ngoài ra, Công ty bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc nhằm giảm áp lực cho nhân viên. Công ty cũng quan tâm đến đời sống ngoài công việc thông qua việc tham gia các hoạt động xã hội như hỗ trợ nhân viên và học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Các chính sách đãi ngộ này góp phần tăng cường sự gắn kết giữa Công ty và người lao động, đồng thời xây dựng môi trường làm việc tích cực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

03 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	% 2025/2024
1	Tổng tài sản	381,42	365,16	95,74%
2	Doanh thu thuần	73,79	87,24	118,23%
3	Giá vốn hàng bán	41,58	43,97	105,76%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,008	0,04	447,45%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	19,84	16,65	83,93%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,38	26,65	215,29%
7	Lợi nhuận khác	-	-	0%
8	Lợi nhuận trước thuế	12,38	26,65	215,29%
9	Lợi nhuận sau thuế	11,71	25,58	218,45%

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Phong Điện Thuận Bình

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	% 2025/2024
1	Tổng tài sản	1.931,80	1.886,70	97,67%
2	Doanh thu thuần	436,89	477,63	109,33%
3	Giá vốn hàng bán	167,53	167,47	99,96%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7,85	5,09	64,84%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	98,58	121,15	122,90%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	178,63	194,10	108,66%
7	Lợi nhuận khác	(25,64)	(10,57)	41,22%
8	Lợi nhuận trước thuế	152,99	183,53	119,96%
9	Lợi nhuận sau thuế	149,10	172,80	115,90%



04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2024	TH 2025	% Tăng giảm
1	Tổng tài sản	7.478	7.423	(0,74%)
2	Doanh thu thuần	2.081	2.285	9,80%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.104	1.138	3,07%
4	Lợi nhuận khác	1,28	0,33	(74,22%)
5	Lợi nhuận trước thuế	1.105	1.138	2,98%
6	Lợi nhuận sau thuế	906	923	1,88%

Nhìn chung, hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2025 ghi nhận sự cải thiện so với năm 2024. Cụ thể, tổng tài sản giảm nhẹ 0,74%, cho thấy Công ty cơ bản duy trì quy mô hoạt động ổn định, đồng thời có thể đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu tài sản theo hướng thận trọng hơn. Doanh thu thuần tăng 9,80%, là yếu tố chính thúc đẩy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

tăng 3,07%. Mặc dù lợi nhuận khác giảm mạnh 74,22%, song khoản mục này có giá trị tuyệt đối không lớn nên không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả chung. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt tăng 2,98% và 1,88%, phản ánh khả năng duy trì tăng trưởng và hiệu quả sinh lời tương đối tích cực của Công ty trong năm 2025.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	TH 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,63	2,64
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,61	2,63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,30
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,42	0,43
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	38,29	91,20
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,27	0,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	43,56	40,39
Hệ số LNST/VCSH bình quân (ROE)	%	17,18	17,67
Hệ số LSNT/TTS bình quân (ROA)	%	11,70	12,38
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	53,04	49,80

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ tiêu thanh toán năm 2025 cho thấy năng lực thanh toán ngắn hạn của Công ty tiếp tục được củng cố ổn định so với năm 2024. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 2,63 lần lên 2,64 lần, và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,61 lần lên 2,63 lần. Điều này phản ánh Công ty đã nâng cao đáng kể khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng tài sản lưu động, trong đó chủ yếu là tiền, tương đương tiền và các khoản phải thu có tính thanh khoản cao. Việc hệ số thanh toán nhanh gần tương đương hệ số thanh toán ngắn hạn tiếp tục cho thấy tỷ trọng hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản ngắn hạn ở mức rất thấp, khẳng định khả năng chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền mặt của Công ty ở mức rất tốt.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2025, Công ty duy trì chính sách tài chính an toàn khi hệ số nợ trên tổng tài sản tiếp tục không đổi tại mức 0,30, đồng thời hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu chỉ tăng nhẹ từ 0,42 lên 0,43. Diễn biến này cho thấy tỷ trọng vốn vay trong tổng nguồn vốn tiếp tục được giữ ổn định không gia tăng, mức độ tự chủ tài chính được nâng cao hơn so với năm trước. Việc giảm sử dụng đòn bẩy tài chính góp phần củng cố nền tảng an toàn vốn, hạn chế rủi ro thanh toán và tăng khả năng chống chịu trước các biến động của thị trường.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Với đặc thù hoạt động chính là sản xuất điện, quy mô hàng tồn kho của Công ty vẫn ở mức rất thấp, do đó chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 38,29 lần lên 91,2 lần chủ yếu mang tính kỹ thuật và không phản ánh nhiều thay đổi trong hoạt động cốt lõi. Bên cạnh đó, hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân trong năm 2025 tăng nhẹ từ 0,27 lần lên 0,31 lần, cho thấy hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản đã được cải thiện so với năm trước.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2025, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty có sự biến động nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức tích cực. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 40,39%, ROE đạt 17,67% và ROA đạt 12,38%, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục được đảm bảo. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 49,8%, tuy giảm nhẹ so với năm 2024 nhưng vẫn ở mức cao, cho thấy hoạt động cốt lõi của Công ty duy trì sự ổn định. Trên cơ sở đó, Công ty vẫn có nền tảng vững chắc để tiếp tục nâng cao hiệu quả sinh lời trong thời gian tới.



05 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần của công ty tại ngày 31/12/2025:

TỔNG SỐ CỔ PHẦN		
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	422.400.000 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	422.400.000 Cổ phiếu
Loại cổ phần	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	119	100%
1	Cổ đông trong nước	422.397.200	116	99,999%
	- Tổ chức	422.103.100	1	99,93%
	- Cá nhân	294.100	115	0,069%
2	Cổ đông nước ngoài	2.800	3	0,001%
	- Tổ chức	0	0	0%
	- Cá nhân	2.800	3	0,001%
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
@	Tổng cộng	422.400.000	119	100%

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phát điện 1	22 Dương Đình Nghệ, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	422.103.100	99,93%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ khi thành lập đến nay, CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi không thực hiện tăng vốn điều lệ.



06 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

► TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

- Nhà máy thủy điện Đa Nhim ĐNMR: 9,886 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Sông Pha: 0,829 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Hàm Thuận: 7,352 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Đa Mi: 1,716 triệu kWh.
- Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: 0,513 triệu kWh.

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Không có.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

► TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.

b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

► QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TIÊU THỤ NƯỚC

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Trong năm 2025, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Hồ Đa Nhim: 764,89 triệu m³.
- Hồ Hàm Thuận: 1.642,52 triệu m³.
- Hồ Đa Mi: 1.723,78 triệu m³

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có



► TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Công ty ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ...), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, xanh, sạch.

Trong năm 2025, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở: Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Đa Nhim mở rộng; cơ sở: Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.



06 BẢO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG				
Năm	2022	2023	2024	2025
Tổng số lượng người lao động tại thời điểm cuối năm (người)	247	241	237	222
Thu nhập bình quân trong năm (đồng/người/tháng)	34.618.000	34.509.000	45.824.000	36.204.200

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng chế độ tiền lương và chính sách chăm sóc sức khỏe phù hợp cho người lao động; áp dụng cơ chế khen thưởng, kỷ luật dựa trên năng lực và kết quả thực hiện công việc nhằm tạo động lực để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình.

Công ty đã và đang tạo việc làm ổn định cho Người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các chế độ lương thưởng cho người lao động, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, luôn tạo điều kiện để Người lao động thể hiện năng lực bản thân, được học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt là thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên

tục được cải thiện, làm cho Người lao động ngày càng gắn bó với Công ty.

Năm 2025, Công ty thực hiện đầy đủ công tác về an toàn, vệ sinh lao động. Công ty cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho người lao động; tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; cử nhân sự tham gia huấn luyện phòng cháy chữa cháy; Công ty cũng tiến hành diễn tập phòng cháy, chữa cháy khi có sự cố xảy ra; trang bị bảo hiểm và kiểm định xe, máy móc thiết bị đầy đủ theo quy định với mục đích nâng cao tinh thần và trách nhiệm cho CBCNV nhằm bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe con người, vật tư, thiết bị và tài sản của Công ty.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2025, các khóa đào tạo của Công ty đã cơ bản được thực hiện theo kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Tổ chức huấn luyện, diễn tập các phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) cho Đội PCCC và CNCH cơ sở, chuyên ngành và Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2025 gồm 80 CBCNV.
- Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ đối với Cán bộ công nhân viên (CBCNV) thuộc nhóm 3, 4 và 6 vào ngày 28, 29 tháng 10 năm 2025 (Nhóm 3: 162 người, Nhóm 4: 31 người, Nhóm 6: 24 người).
- Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025: khu vực Đa Nhim - Sông Pha ngày 27 tháng 06 năm 2025 với 34 CBCNV tham gia diễn tập; khu vực Hàm Thuận - Đa Mi ngày 23 tháng 6 năm 2025 với 32 CBCNV tham gia.

06 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

► BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Phát huy tinh thần tương thân tương ái, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và chia sẻ trách nhiệm với xã hội.

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai hiệu quả công tác an sinh xã hội với tổng kinh phí thực hiện hơn 5,5 tỷ đồng. Các hoạt động hỗ trợ tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như sau:

- Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát: Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, góp phần cải thiện điều kiện sống và ổn định đời sống người dân.
- Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Công ty đã kịp thời hỗ trợ người dân tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần giúp bà con sớm ổn định cuộc sống và phục hồi sản xuất.
- Tài trợ giáo dục và khuyến học: Công ty chú trọng đầu tư cho giáo dục thông qua việc xây dựng trường học, trao học bổng, tặng quà cho học sinh nhân dịp khai giảng năm học mới, qua đó góp phần tạo điều kiện học tập tốt hơn cho thế hệ trẻ.
- Hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Công ty đã tham gia hỗ trợ các hoạt động y tế, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Thông qua các hoạt động an sinh xã hội trên, Công ty tiếp tục lan tỏa những giá trị tích cực, khẳng định vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của xã hội.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, DNH rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.





EVNGENCO1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

HỘI NGHỊ **TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2025** **VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2026**

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 01 năm 2026



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



QUYẾT TÂM
PHẦN ĐẦU
THỰC HIỆN
THẮNG LỢI
NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM
HÀM THUẬN
ĐA MI
LẦN THỨ VI
NHIỆM KỲ
2025 - 2030

01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



► ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2025	TH 2025	% TH/KH
1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	2.947,90	3.272,80	111,02%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	2.928,50	3.254,20	111,12%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.051.622	2.284.690	111,36%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.222.179	1.179.634	96,52%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	829.443	1.138.029	137,20%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	667.103	922.724	138,32%

Nhìn chung, tình hình thủy văn trong năm 2025 khá thuận lợi ảnh hưởng tích cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đều đạt cao so với kế hoạch.



Thuận lợi

- Trong năm 2025, các tổ máy vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu của hệ thống điện quốc gia, vận hành thị trường điện đạt kết quả tốt hoàn thành vượt kế hoạch được giao.
- Thực hiện nghiêm túc công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh thu, chi phí, lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch được giao

Khó khăn

- Hiện nay, tình hình khí tượng thủy văn diễn biến hết sức phức tạp và khó dự báo, gây khó khăn đến công tác điều tiết các hồ chứa thủy điện cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công suất phát các nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều vào giới hạn lưới điện truyền tải, nhiều thời điểm các nhà máy thủy điện không được huy động theo bản chào giá, dẫn đến nguy cơ không đạt cấp nước cho hạ du.



02 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu - Hợp nhất	31/12/2024		31/12/2025		% TH 2025 / TH2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	2.458	32,87%	2.821	38,00%	114,77%
Tài sản dài hạn	5.020	67,13%	4.603	62,00%	91,69%
Tổng tài sản	7.478	100%	7.423	100%	99,26%

Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cho thấy sự điều chỉnh nhất định trong cơ cấu và định hướng phân bổ nguồn lực. Tổng tài sản ghi nhận giảm nhẹ 0,74% so với năm 2024 (từ 7.478 tỷ xuống còn 7.423 tỷ đồng). Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 14,77%, từ 2.458 tỷ lên 2.821 tỷ đồng, làm tỷ trọng tăng từ 32,87% lên 38,00%. Ngược lại, tài sản dài hạn giảm 8,31% và tỷ trọng thu hẹp từ 67,13% xuống còn 62%. Sự thay đổi này

cho thấy Công ty tiếp tục gia tăng mức độ linh hoạt tài chính thông qua việc mở rộng quy mô tài sản có tính thanh khoản cao, đồng thời kiểm soát và tinh gọn danh mục đầu tư dài hạn. Diễn biến này phản ánh định hướng củng cố năng lực thanh toán, tối ưu hóa dòng tiền và nâng cao khả năng thích ứng trước bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		% TH 2025 / TH2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	935	42,27%	1.067	47,53%	114,12%
Nợ dài hạn	1.277	57,73%	1.178	52,47%	92,25%
Tổng nợ phải trả	2.212	100%	2.245	100%	101,49%



Tình hình nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 tiếp tục ghi nhận diễn biến khá ổn định khi tổng nợ chỉ tăng nhẹ từ 2.212 tỷ đồng lên 2.245 tỷ đồng, tương đương mức tăng 1,49% so với năm 2024. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng nhẹ 14,12%, từ 935 tỷ đồng lên 1.067 tỷ đồng, làm tỷ trọng trong cơ cấu nợ tăng mạnh từ 42,27% lên 114,12%. Trong khi đó, nợ dài hạn tuy giảm nhẹ 7,75% nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu tổng nợ năm 2025. Diễn biến này cho thấy nợ ngắn hạn của Công ty tăng nhẹ trong khi nợ dài hạn giảm nhẹ, qua đó có những tác động nhất định đến cơ cấu tài chính và chiến lược phát triển. Việc gia tăng nợ ngắn hạn có thể làm gia tăng áp lực thanh khoản trong ngắn hạn, trong khi việc giảm nợ dài hạn có thể làm thu hẹp nguồn vốn ổn định phục vụ cho các kế hoạch đầu tư dài hạn. Do đó, Công ty cần tiếp tục cân đối hợp lý cơ cấu nguồn vốn nhằm đảm bảo ổn định tài chính và hỗ trợ chiến lược phát triển trung và dài hạn.



03 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong năm 2025, Công ty đã có nhiều đổi mới về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như sau:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định biên lao động được phê duyệt.
- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty; Lập mô tả công việc của từng chức danh tại các đơn vị trong Công ty đảm bảo khoa học, hợp lý và tăng năng suất lao động của từng chức danh.
- Sắp xếp bố trí đúng năng lực, sở trường của từng người lao động; sắp xếp, bố trí lại lao động hợp lý để không tăng thêm lao động.
- Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; đào tạo chuyên gia về kỹ thuật; tuyển chọn các cán bộ có đủ năng lực để đào tạo về các lĩnh vực mũi nhọn.
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nâng bậc và chuẩn hóa chất lượng đội ngũ công nhân kỹ thuật, tạo điều kiện cho CBCNV học tập nâng cao trình độ về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ.
- Thực hiện công tác lập kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu thực tế; tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo hàng năm.
- Tiếp tục rà soát, cử cán bộ đương nhiệm và quy hoạch tham gia các lớp đào tạo cán bộ quản lý các cấp theo chương trình khung của EVN; tăng cường công tác số hóa tài liệu đào tạo và đào tạo qua hệ thống E-learning.



- Thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch Chuyển đổi số do EVN/Tổng công ty giao.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất, tăng cường sử dụng các phần mềm D-Office, quản lý nhân sự ...
- Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến và ý tưởng cải cách hành chính góp phần vào việc tăng năng suất lao động.

04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

► KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026, Công ty lên kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	TH 2025	KH 2026	% KH2026 / TH2025
1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	3.272,80	2.886,12	88,19%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	3.254,20	2.866,23	88,08%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.284.690	1.915.438	83,84%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.179.634	1.187.526	100,67%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.138.029	727.912	63,96%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	922.724	582.330	63,11%
6	Cổ tức	%	20	14	70,00%

05 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.

06 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

► ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG



Bảo vệ môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu trong các kế hoạch hoạt động hằng năm của Công ty. Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cụ thể:

Hướng đến sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, và đồng thời phổ biến và tuyên truyền các biện pháp bảo vệ môi trường đến các cấp lãnh đạo, CBCNV, và người dân địa phương.

Tất cả các nhà máy thuộc Công ty quản lý là loại nhà máy thủy điện, điện mặt trời, sử dụng nước mặt và năng lượng mặt trời để sản xuất điện năng, quy trình sản xuất không sử dụng hóa chất.

Nước thải chủ yếu tại các nhà máy là nước thải sinh hoạt của CBCNV hàng ngày, nước rò rỉ từ tua bin, thiết bị cơ khí. Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức phân loại chất thải trong khu vực sản xuất và tại các khu nhà trực vận hành để từng CBCNV nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở. Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương xả điều tiết nước hồ Đơn Dương, hồ Hàm Thuận qua đập tràn góp phần đảm bảo an toàn cho hạ du.

Trong quá trình điều tiết lũ, Công ty thường xuyên liên lạc với chính quyền địa phương để phối hợp trong việc cung cấp thông tin và nhận sự chỉ đạo trong công tác vận hành hồ chứa. Việc phối hợp vận hành, điều tiết hồ chứa hiệu quả.

► ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG



Công ty đã và đang tạo việc làm ổn định cho Người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các chế độ lương thưởng cho người lao động, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, luôn tạo điều kiện để Người lao động thể hiện năng lực bản thân, được học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt là thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục được cải thiện, làm cho Người lao động ngày càng gắn bó với Công ty.

► ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, hằng năm Công ty luôn tích cực triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội và hoạt động thiện nguyện ý nghĩa, thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi nhận thức rõ vai trò của mình trong việc đồng hành cùng địa phương. Trong thời gian qua, Công ty đã chủ động tiết giảm chi phí, tận dụng hiệu quả các nguồn lực phù hợp với quy định để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng trên địa bàn, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực.



IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2025	TH 2025	% TH2025 / KH2025
1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	2.947,90	3.272,80	111,02%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	2.928,50	3.254,20	111,12%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.051.622	2.284.690	111,36%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.222.179	1.179.634	96,52%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	829.443	1.138.029	137,20%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	667.103	922.724	138,32%
6	Cổ tức	%	14	20	142,86%



Các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua đã được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bao gồm: Tiền lương thực hiện năm 2024, kế hoạch tiền lương năm 2025 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận năm 2024, lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Trong năm 2025, Công ty vẫn tiếp tục tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài các hoạt động an sinh xã hội thường

làm, HĐQT đã chỉ đạo Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động mang tính phát triển bền vững cho cộng đồng như: Hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả thiên tai; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ giáo dục như xây dựng trường học, trao học bổng và tặng quà nhân dịp khai giảng năm học mới; đồng thời triển khai nhiều chương trình hỗ trợ y tế cho cộng đồng.

Thông qua các hoạt động an sinh xã hội này, Công ty và các đơn vị đã lan tỏa những giá trị tích cực, góp phần khẳng định hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội và gắn bó với cộng đồng.

02 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2025, Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực chủ động trong công tác tổ chức và triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Ban Tổng giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tình hình tài chính, tiến độ các dự án cũng như những nội dung liên quan khác nhằm giúp Hội đồng quản trị kịp thời đưa ra định hướng và chỉ đạo.
- Công ty tiếp tục duy trì hiệu quả chế độ họp định kỳ hằng tháng để tổng hợp, đánh giá, rút kinh nghiệm và linh hoạt điều chỉnh các giải pháp trong công tác quản trị, điều hành khi cần thiết.
- Trên cơ sở các kết quả đạt được về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận,... Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao hiệu quả điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2025.

03 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã ban hành Chương trình làm việc năm 2026 nhằm cụ thể hóa các mặt công tác trong năm 2026. Năm 2026 tập trung vào các vấn đề sau:

- Công tác sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thành công Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trên cơ sở đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo cổ tức theo kế hoạch đề ra.
- Công tác đầu tư: Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc giải quyết các nội dung còn tồn tại của Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 1. Tiếp tục thực hiện xin chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời là Nhà đầu tư cho Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2).
- Chỉ đạo đạo xây dựng kế hoạch SXKD - Đầu tư giai đoạn 2026 - 2030: Cải tạo nâng cấp hệ thống thiết bị, công trình. Thực hiện các bước để triển khai Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2 sau khi được cấp thẩm quyền giao làm chủ đầu tư. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Sắp xếp tổ chức, bộ máy và định biên lao động.
- Công tác quản trị nội bộ: Chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.



“Chúng

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

▶ THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT (tính đến ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 189.946.395 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 44,97%
2	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 147.736.085 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 34,97%
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Cá nhân: 7.100 CP Đại diện: 84.420.620 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 19,99%

(*) SLCP sở hữu tính tại ngày 31/12/2025

▶ LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- + Từ 9/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Từ 3/1993 đến 3/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 4/1996 đến 7/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 8/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc PX Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.
- + Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc PX Sửa chữa 1 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 11/2007 đến 9/2011: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 10/2011 đến 6/2017: Thành viên HĐQT, Phó TGD - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 7/2017 đến 28/02/2022: Thành viên HĐQT, TGD - CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- + Từ 28/02/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Số cổ phiếu nắm giữ:

- + Sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%.
- + Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 189.946.395 CP, tỷ lệ: 44,97%.

Ông Đặng Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành

Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành

▶ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

▶ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức họp và lấy phiếu ý kiến để thông qua các nội dung do Ban Tổng giám đốc trình liên quan đến công tác điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. HĐQT đã ký ban hành 242 Nghị quyết/Quyết định, trong đó:

- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 04
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 238.



STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	100%
2	Ông Đặng Văn Cường - Thành viên HĐQT	4/4	100%	100%
3	Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT	4/4	100%	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2025	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, Danh mục: Tổ máy H2 Hàm Thuận, Hạng mục: Đại tu tổ máy	100%
2	02/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Máy biến áp chính và hệ thống giám sát trực tuyến Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
3	03/NQ-HĐQT	20/01/2025	Về việc điều chỉnh thời gian tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền đợt 2	100%
4	04/NQ-HĐQT	21/01/2025	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý I năm 2025	100%
5	05/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
6	06/NQ-HĐQT	07/02/2025	Thông qua áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
7	07/NQ-HĐQT	07/02/2025	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu số 10MSHH-SCL-2024: Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống điều tốc tổ máy H1 Đa Mi	100%
8	08/QĐ-HĐQT	07/02/2025	Về việc công bố áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
9	09/NQ-HĐQT	11/02/2025	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Tư vấn lập, cập nhật Quy trình bảo trì Công trình thủy điện Đa Nhim, Sông Pha, Hàm Thuận, Đa Mi và khu Văn phòng làm việc	100%
10	10/NQ-HĐQT	11/02/2025	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	100%
11	11/NQ-HĐQT	13/02/2025	Phê duyệt chủ trương kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
12	12/NQ-HĐQT	13/02/2025	Về việc thông qua kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu Tư vấn đánh giá tình trạng của Máy phát H1 và H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
13	13/NQ-HĐQT	13/02/2025	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2025	100%
14	14/NQ-HĐQT	16/02/2025	Phê duyệt phương án nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (hiệu chỉnh)	100%
15	15/QĐ-HĐQT	17/02/2025	Về việc kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
16	16/NQ-HĐQT	18/02/2025	Thông qua điều chỉnh Quy chế phân phối lương, thù lao của Người quản lý Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
17	17/QĐ-HĐQT	19/02/2025	Về việc điều chỉnh Quy chế phân phối lương, thù lao của Người quản lý Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	18/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ 10/4/2024 đối với ông Lê Văn Quang	100%
19	19/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ 10/4/2024 đối với ông Đặng Văn Cường	100%
20	20/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với ông Đỗ Minh Lộc	100%
21	21/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với ông Nguyễn Đình Chiến	100%
22	22/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với bà Phạm Thị Hồng Hà	100%
23	23/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với ông Phạm Viết Kỳ	100%
24	24/NQ-HĐQT	20/02/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 02 năm 2025	100%
25	25/NQ-HĐQT	25/02/2025	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu số 02-HH-KHCB-2024: Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
26	26/NQ-HĐQT	27/02/2025	Về việc thông qua nâng bậc lương đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
27	27/QĐ-HĐQT	27/02/2025	về việc nâng bậc lương đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
28	28/NQ-HĐQT	04/03/2025	Về việc thông qua chủ trương bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	100%
29	29/NQ-HĐQT	04/03/2025	Về việc thông qua chủ trương thuê tư vấn lập phương án tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
30	30/NQ-HĐQT	11/03/2025	Về việc thông qua chủ trương giao cán bộ phụ trách kế toán và thực hiện nhiệm vụ quản lý Phòng Tài chính và Kế toán Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
31	31/NQ-HĐQT	12/03/2025	Về việc thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
32	32/NQ-HĐQT	17/03/2025	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
33	33/NQ-HĐQT	17/03/2025	Phê duyệt phương án nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (hiệu chỉnh căn cứ)	100%
34	34/NQ-HĐQT	17/03/2025	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
35	35/NQ-HĐQT	17/03/2025	Phê duyệt phương án nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại các công ty có phần vốn góp	100%
36	36/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
37	37/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Về việc kiện toàn nhân sự nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
38	38/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Về việc kiện toàn nhân sự nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại các công ty có phần vốn góp	100%
39	39/NQ-HĐQT	19/03/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 1)	100%
40	40/NQ-HĐQT	20/03/2025	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng “Cung cấp nhân sự vận hành Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2025” với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
41	41/NQ-HĐQT	25/03/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận”	100%
42	42/NQ-HĐQT	25/03/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đa Mi”	100%
43	43/NQ-HĐQT	28/03/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 3 năm 2025	100%
44	44/NQ-HĐQT	28/03/2025	Về việc thông qua dự toán Gói thầu số 05MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị van sửa chữa lớn tổ máy H3 Đa Nhim	100%
45	45/NQ-HĐQT	31/03/2025	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người quản lý và người lao động	100%
46	46/NQ-HĐQT	31/03/2025	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	100%
47	47/NQ-HĐQT	01/04/2025	Về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số AOM2000 - Nhà máy điện gió Phú Lạc - giai đoạn 1 của Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình	100%
48	48/NQ-HĐQT	02/04/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
49	49/NQ-HĐQT	04/04/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 1)	100%
50	50/NQ-HĐQT	08/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng”	100%
51	51/QĐ-HĐQT	09/04/2025	Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ĐHĐ	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
52	52/NQ-HĐQT	10/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén”	100%
53	53/NQ-HĐQT	10/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Máy làm đá khô CO2”	100%
54	54/NQ-HĐQT	16/04/2025	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2024	100%
55	55/NQ-HĐQT	16/04/2025	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2024	100%
56	56/NQ-HĐQT	16/04/2025	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý II năm 2025	100%
57	57/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Hạng mục “Trang bị xe tải 5 tấn”	100%
58	58/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Hạng mục “Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn”	100%
59	59/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Thuốc đo lún thân đập và đo nước ngầm”	100%
60	60/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc phê duyệt chủ trương chỉ định thầu và dự toán để thực hiện tổng hợp, đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo yêu cầu Giấy phép môi trường số 27, 28/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2025	100%
61	61/NQ-HĐQT	22/04/2025	Về việc thông qua điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
62	62/NQ-HĐQT	23/04/2025	Về việc thông qua quyết toán công trình Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4 Nhà máy thủy điện Sông Pha	100%
63	63/NQ-HĐQT	23/04/2025	Về việc thông qua quyết toán công trình Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy thủy điện Sông Pha	100%
64	64/NQ-HĐQT	23/04/2025	Về việc thông qua quyết toán công trình Đường vận hành đi Nhà máy thủy điện Đa Mi	100%
65	65/NQ-HĐQT	24/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Hạng mục “Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi”	100%
66	66/NQ-HĐQT	24/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương”	100%
67	67/NQ-HĐQT	24/04/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận và Đa Mi	100%
68	68/NQ-HĐQT	25/04/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
69	69/NQ-HĐQT	25/04/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02XL-SXKD-2025: Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương	100%
70	70/NQ-HĐQT	26/04/2025	Về việc phê duyệt điều chuyển quỹ và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
71	71/NQ-HĐQT	26/04/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 4 năm 2025	100%
72	72/NQ-HĐQT	29/04/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, danh mục công trình xây dựng, hạng mục “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi (đoạn còn lại đến km3+010)”	100%
73	73/NQ-HĐQT	29/04/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Ca nô”	100%
74	74/NQ-HĐQT	08/05/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025”	100%
75	75/NQ-HĐQT	12/05/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 2)	100%
76	76/NQ-HĐQT	14/05/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận và Đa Mi	100%
77	77/NQ-HĐQT	16/05/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 5 năm 2025	100%
78	78/NQ-HĐQT	18/05/2025	Về việc phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo trì phần mềm dùng chung ngành điện năm 2025	100%
79	79/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
80	80/NQ-HĐQT	20/05/2025	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	100%
81	81/NQ-HĐQT	21/05/2025	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
82	82/NQ-HĐQT	21/05/2025	Về việc thông qua áp dụng Quy chế về công tác đấu thầu và Danh mục các trường hợp có thể áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp hoạt động đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
83	83/NQ-HĐQT	21/05/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Đơn vị mua Chứng chỉ năng lượng tái tạo Nhà máy điện Mặt trời Đa Mi	100%
84	84/QĐ-HĐQT	21/05/2025	Về việc công bố áp dụng Quy chế về công tác đấu thầu và Danh mục các trường hợp có thể áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp hoạt động đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
85	85/NQ-HĐQT	27/05/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp máy làm đá khô CO2	100%
86	86/NQ-HĐQT	27/05/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương	100%
87	87/NQ-HĐQT	29/05/2025	Về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
88	89/NQ-HĐQT	04/06/2025	Về việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền đợt cuối	100%
89	90/NQ-HĐQT	06/06/2025	Về việc thông qua nội dung chính Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
90	91/NQ-HĐQT	09/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	100%
91	92/NQ-HĐQT	09/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị Ca nô	100%
92	93/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị Xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
93	94/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị xe tải 5 tấn	100%
94	95/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
95	96/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc thông qua nội dung chính Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hạng mục “Máy chụp ảnh nhiệt” (hiệu chỉnh tiêu đề)	100%
96	97/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc phê duyệt trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2024	100%
97	98/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc thông qua Dự thảo các hợp đồng ký kết với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
98	99/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu “Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại nhiễm PCB năm 2025”	100%
99	100/QĐ-HĐQT	11/06/2025	Về việc trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2024	100%
100	101/NQ-HĐQT	12/06/2025	Về việc phê duyệt dự toán chi phí danh mục và dự toán gói thầu Tư vấn luật để giải quyết các tồn tại liên quan đến thanh toán cho Tư vấn giám sát thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
101	102/NQ-HĐQT	12/06/2025	Về việc phê duyệt phê duyệt dự toán và E-Hồ sơ mời thầu điều chỉnh Gói thầu số 06MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị điện sửa chữa lớn tổ máy H3 Đa Nhim	100%
102	103/NQ-HĐQT	12/06/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 08MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí sửa chữa lớn tổ máy H2 và H4 Sông Pha	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
103	104/NQ-HĐQT	16/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương	100%
104	105/NQ-HĐQT	16/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	100%
105	106/NQ-HĐQT	16/06/2025	Thông qua chủ trương kiện toàn chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
106	107/NQ-HĐQT	17/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp Thước đo lún thân đập và đo nước ngầm	100%
107	108/NQ-HĐQT	18/06/2025	Về việc phê duyệt trích lập và kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025	100%
108	109/NQ-HĐQT	19/06/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 6 năm 2025	100%
109	110/NQ-HĐQT	24/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 08MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí sửa chữa lớn tổ máy H2 và H4 Sông Pha	100%
110	111/NQ-HĐQT	25/06/2025	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	100%
111	112/NQ-HĐQT	26/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp máy làm đá khô CO2	100%
112	113/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc thông qua chủ trương đề xuất làm nhà đầu tư Dự án Thủy điện Đa Nhim mở rộng (giai đoạn 2)	100%
113	114/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc thông qua nâng bậc lương đối với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
114	115/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	100%
115	116/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch quý II năm 2025	100%
116	117/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Thước đo lún thân đập và đo nước ngầm	100%
117	118/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 05MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải 5 tấn	100%
118	119/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
119	120/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 06MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
120	121/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 08MSHH-KHCB-2025: Trang bị ca nô	100%
121	122/NQ-HĐQT	30/06/2025	Nghị quyết: NGHỊ QUYẾT Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
122	317/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Nâng bậc lương đối với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
123	123/NQ-HĐQT	03/07/2025	Về việc điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ lựa chọn nhà thầu Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 2)	100%
124	124/NQ-HĐQT	07/07/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02XL-SXKD-2025: Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) các gói thầu thuộc vốn SXKD điện năm 2025	100%
125	125/NQ-HĐQT	08/07/2025	Về việc bổ sung kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2025 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu lập Báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc Dự án thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	100%
126	126/NQ-HĐQT	11/07/2025	Về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung và Danh mục Quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2025	100%
127	127/NQ-HĐQT	11/07/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 7 năm 2025	100%
128	128/NQ-HĐQT	14/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	100%
129	129/NQ-HĐQT	14/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Thước đo lún thân đập và đo nước ngầm	100%
130	130/NQ-HĐQT	14/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	100%
131	131/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 08MSHH-KHCB-2025: Trang bị ca nô	100%
132	132/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 06MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
133	133/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 05MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải 5 tấn	100%
134	134/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
135	135/NQ-HĐQT	17/07/2025	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý III năm 2025	100%
136	136/NQ-HĐQT	21/07/2025	Về việc thông qua áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực hành chính, quản trị, lao động, kiểm toán giám sát, kiểm tra tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
137	137/NQ-HĐQT	21/07/2025	Về việc thông qua áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
138	138/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Về việc công bố áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực hành chính, quản trị, lao động, kiểm toán giám sát, kiểm tra tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
139	139/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Về việc công bố áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
140	140/NQ-HĐQT	23/07/2025	Về việc phê duyệt Nhiệm vụ tư vấn khảo sát, thiết kế và dự toán tư vấn hạng mục “Hệ thống mốc quan trắc chuyển vị và đường bảo hòa thấm trong thân đập, công trình Thủy điện Đa Nhim”	100%
141	141/NQ-HĐQT	25/07/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hạng mục “Máy nén khí cao áp” thuộc Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
142	142/NQ-HĐQT	28/07/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 3)	100%
143	143/NQ-HĐQT	30/07/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, danh mục công trình xây dựng, hạng mục “Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lọc - Nhà M”	100%
144	144/NQ-HĐQT	01/08/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, danh mục công trình xây dựng, hạng mục “Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lọc - Nhà văn phòng TTDVSC”	100%
145	145/NQ-HĐQT	04/08/2025	Về việc sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh thực hiện Gói thầu lập Báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc Dự án thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	100%
146	146/NQ-HĐQT	04/08/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 10MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cho hệ thống báo cháy và chữa cháy H1 và H2 Đa Mi	100%
147	147/NQ-HĐQT	08/08/2025	về việc thông qua ban hành Quy định công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
148	148/QĐ-HĐQT	08/08/2025	Về việc ban hành Quy định về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
149	149/NQ-HĐQT	08/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hạng mục “Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi”, thuộc danh mục đầu tư năm 2025	100%
150	150/NQ-HĐQT	08/08/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 (Đợt 3) - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
151	151/NQ-HĐQT	09/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14XL-SCL-2025: Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lọc - Nhà M	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
152	152/NQ-HĐQT	09/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 13XL-SCL-2025: Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lọc - Nhà Văn phòng Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	100%
153	153/NQ-HĐQT	12/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu và điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cho hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát H1 và H2 Đa Mi	100%
154	154/NQ-HĐQT	13/08/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2025	100%
155	155/NQ-HĐQT	14/08/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 13MSHH-KHCB-2025: Cung cấp dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
156	156/NQ-HĐQT	14/08/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 14MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy nén khí cao áp cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
157	157/NQ-HĐQT	14/08/2025	Về việc phê duyệt chủ trương ký hợp đồng trực tiếp Thuê đơn vị tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động năm 2025 cho CB.CNV Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
158	158/NQ-HĐQT	15/08/2025	Về việc phê duyệt chủ trương ký hợp đồng trực tiếp Gói thầu: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2025	100%
159	159/NQ-HĐQT	19/08/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025, hạng mục Hệ thống mốc quan trắc chuyển vị và đường bảo hòa thấm trong thân đập, công trình Thủy điện Đa Nhim	100%
160	160/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
161	161/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục Thay mới và lắp bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	100%
162	162/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu số 12MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy chụp ảnh nhiệt	100%
163	163/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	100%
164	164/NQ-HĐQT	22/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hệ thống chữa cháy tự động cho MBA T1 Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	100%
165	165/NQ-HĐQT	25/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 13MSHH-KHCB-2025: Cung cấp dụng cụ và máy thí nghiệm	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
166	166/NQ-HĐQT	25/08/2025	Về việc kế hoạch điều động cán bộ năm 2025	100%
167	167/NQ-HĐQT	28/08/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 4) mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
168	168/NQ-HĐQT	29/08/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2025 (lần 2)	100%
169	169/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 11MSHH-KHCB-2025: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025	100%
170	170/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy nén khí cao áp	100%
171	171/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 12MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy chụp ảnh nhiệt	100%
172	172/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 16MSHH-KHCB-2025: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi và Điện mặt trời Đa Mi	100%
173	173/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc phê duyệt sử dụng nguồn vốn SXKD chi hỗ trợ các địa phương năm 2025	100%
174	174/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc phê duyệt Danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026	100%
175	175/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 16MSHH-KHCB-2025: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi và Điện mặt trời Đa Mi	100%
176	176/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc thông qua chủ trương thuê chuyên gia tư vấn	100%
177	177/NQ-HĐQT	15/09/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cơ cấu nhân sự trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
178	178/NQ-HĐQT	18/09/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025, hạng mục: Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
179	179/NQ-HĐQT	18/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 01TV-KHCB-2025: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục Hệ thống mốc quan trắc chuyển vị và đường bảo hòa thấm trong thân đập, công trình Thủy điện Đa Nhim	100%
180	180/NQ-HĐQT	18/09/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 9 năm 2025	100%
181	181/NQ-HĐQT	22/09/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu và E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
182	182/NQ-HĐQT	23/09/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 14XL-SCL-2025: Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lọc - Nhà M	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
183	183/NQ-HĐQT	28/09/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, Danh mục: Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi, Hạng mục: Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
184	184/NQ-HĐQT	28/09/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, Danh mục: Tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim, Hạng mục: Tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
185	185/NQ-HĐQT	28/09/2025	Về việc phê duyệt phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, Danh mục: Thiết bị thủy công; Hạng mục: Đường ống áp lực số 2 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
186	186/NQ-HĐQT	01/10/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13XL-SCL-2025: Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lọc - Nhà Văn phòng Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	100%
187	187/NQ-HĐQT	01/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu và Dự toán gói thầu Gói thầu số 01XL-KHCB-2025: Thi công Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
188	188/NQ-HĐQT	02/10/2025	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 171/2025/HĐ-TĐĐHĐ-TNĐMN ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: “Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2025”	100%
189	189/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc thông qua phương án điều động, bổ nhiệm cán bộ năm 2025	100%
190	190/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 11MSHH-KHCB-2025: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	100%
191	191/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 06MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
192	192/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc thông qua việc gia hạn bảo lãnh thanh toán đợt 19 Hợp đồng số 222/TDDHD-NK&PECC3&NKV ngày 08 tháng 07 năm 2015: Giám sát thi công xây lắp Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
193	193/NQ-HĐQT	13/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 15TV-KHCB-2025: Kiểm toán quyết toán các hạng mục mua sắm tài sản cố định năm 2024	100%
194	194/QĐ-HĐQT	13/10/2025	Về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ	100%
195	195/NQ-HĐQT	15/10/2025	Hợp Hội đồng quản trị - Phiên họp Quý IV năm 2025	100%
196	196/NQ-HĐQT	15/10/2025	Về việc phê duyệt Danh mục các gói thầu sử dụng vốn SXKD năm 2026 triển khai thực hiện LCNT trong Quý IV năm 2025	100%
197	197/NQ-HĐQT	20/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 33TVSXKD-2025: Tư vấn đánh giá tình trạng thiết bị trạm phân phối điện 230/110kV Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
198	198/NQ-HĐQT	20/10/2025	Về việc thông qua chủ trương cho Tổng công ty Phát điện 1 sử dụng đất năng lượng và mặt nước các hồ thủy điện do Công ty quản lý để thực hiện đầu tư các dự án nhà máy điện mặt trời và các dự án nguồn điện khác (nếu có)	100%
199	199/NQ-HĐQT	23/10/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 10 năm 2025	100%
200	200/NQ-HĐQT	27/10/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu của một số gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 3)	100%
201	201/NQ-HĐQT	28/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2026 - 2028	100%
202	202/NQ-HĐQT	28/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2026 - 2028	100%
203	203/NQ-HĐQT	30/10/2025	Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
204	204/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 15TV-KHCB-2025: Kiểm toán quyết toán các hạng mục mua sắm tài sản cố định năm 2024	100%
205	205/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc thông qua kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
206	206/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, danh mục: Thiết bị thủy công, hạng mục: Đường ống áp lực số 2 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	100%
207	207/NQ-HĐQT	31/10/2025	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
208	208/NQ-HĐQT	04/11/2025	Về việc phê duyệt chủ trương mua sắm hệ thống bình ắc quy số 01 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
209	209/NQ-HĐQT	05/11/2025	Về việc thông qua thực hiện trước một số công việc thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Chi phí hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải 2, NMĐG Phú Lạc giai đoạn 2 và Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc giai đoạn 2 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
210	210/NQ-HĐQT	05/11/2025	Về việc thông qua ước thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình	100%
211	211/NQ-HĐQT	07/11/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
212	212/NQ-HĐQT	10/11/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01XL-KHCB-2025: Thi công Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
213	213/NQ-HĐQT	10/11/2025	Thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ	100%
214	214/NQ-HĐQT	12/11/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2025	100%
215	215/NQ-HĐQT	13/11/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
216	216/NQ-HĐQT	14/11/2025	Về việc thông qua kiện toàn Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và Tổ thư ký trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty	100%
217	217/NQ-HĐQT	14/11/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2026 - 2028	100%
218	218/NQ-HĐQT	14/11/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2026 - 2028	100%
219	219/NQ-HĐQT	17/11/2025	Về việc thông qua kết quả xét thi đua khen thưởng năm 2025 đối với các chức danh do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi bổ nhiệm, xét duyệt	100%
220	220/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Về việc thôi nhiệm vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
221	221/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
222	222/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Về việc kiện toàn Tổ thư ký trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
223	223/NQ-HĐQT	18/11/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2025 (lần 2)	100%
224	224/NQ-HĐQT	27/11/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh Dự toán gói thầu số 33TVSXKD-2025: Tư vấn đánh giá tình trạng thiết bị trạm phân phối điện 230/110kV Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
225	225/NQ-HĐQT	27/11/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Vệ sinh cảnh quan các khu vực thuộc quản lý của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2026	100%
226	226/NQ-HĐQT	03/12/2025	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	100%
227	227/NQ-HĐQT	05/12/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2025	100%
228	228/QĐ-HĐQT	09/12/2025	Về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
229	229/NQ-HĐQT	10/12/2025	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
230	230/NQ-HĐQT	10/12/2025	Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 Danh mục: Công trình xây dựng Hạng mục: Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M	100%
231	231/NQ-HĐQT	10/12/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
232	232/NQ-HĐQT	11/12/2025	Về việc thông qua sửa đổi bổ sung, ban hành Quy định công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
233	624/QĐ-TĐĐHĐ	12/12/2025	Về việc ban hành Quy định về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
234	233/NQ-HĐQT	12/12/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 11MSHH-KHCB-2025: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	100%
235	234/NQ-HĐQT	15/12/2025	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
236	235/NQ-HĐQT	20/12/2025	Về việc thông qua sửa đổi bổ sung Quy định quản lý chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
237	236/NQ-HĐQT	23/12/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2025 lần 2	100%
238	237/NQ-HĐQT	24/12/2025	Về việc chi trả cổ tức tạm ứng năm 2025 bằng tiền	100%
239	238/NQ-HĐQT	24/12/2025	Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 Danh mục: Công trình xây dựng Hạng mục: Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lộc - Nhà Văn phòng Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	100%
240	239/NQ-HĐQT	25/12/2025	Về việc triển khai chương trình an sinh xã hội ủng hộ đồng bào các xã tỉnh Lâm Đồng khắc phục hậu quả mưa lũ	100%
241	240/NQ-HĐQT	30/12/2025	Về việc thông qua chủ trương, kế hoạch điều động, bổ nhiệm, phương án bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
242	241/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm cán bộ	100%

▶

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.

▶

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chứng chỉ hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán - Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 10 năm 2023.



02 BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban	0	0%
2	Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên	0	0%
3	Ông Đặng Văn Minh	Thành viên	0	0%

(*) SLCP sở hữu tính tại ngày 31/12/2025

NỘI DUNG CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Nội dung	Ngày	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	20/3/2025	Thống nhất kết quả thẩm tra quyết toán quỹ tiền lương năm 2024	Nhất trí 100%
2	Cuộc họp 2	21/3/2025	Thống nhất kết quả thực hiện các nội dung kiểm soát đợt 3 năm tài chính 2024	Nhất trí 100%
3	Cuộc họp 3	21/8/2025	Thống nhất kết quả kiểm soát đợt 1 năm tài chính 2025	Nhất trí 100%
4	Cuộc họp 4	26/12/2025	Thống nhất kết quả kiểm soát đợt 2 năm tài chính 2025	Nhất trí 100%

PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt, chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác kiểm soát theo đúng quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Về hoạt động kiểm soát: Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ đầy đủ theo kế hoạch với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Về kết quả các cuộc họp Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tiến hành họp 04 lần để thống nhất các kết quả thẩm tra báo cáo quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 của Công ty, các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các đợt kiểm soát năm 2025. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát như sau:



STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đinh Hải Ninh - Trưởng ban BKS	4/4	100%	100%
2	Ông Phạm Viết Kỳ - Thành viên BKS	4/4	100%	100%
3	Ông Đặng Văn Minh - Thành viên BKS	4/4	100%	100%

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch Công ty năm 2026, Ban kiểm soát xây dựng phương hướng hoạt động như sau:

 - Tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ và đột xuất theo chương trình, kế hoạch đề ra và thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
 - Tổ chức thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra, giám sát, thẩm tra, thẩm định thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, điều lệ Công ty và quy chế quản lý liên quan.
 - Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- Thẩm tra báo cáo tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh; giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.
 - Giám sát công tác công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên liên quan.
 - Thực hiện kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.



► LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, thù lao Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao, lương, thưởng	
			Năm 2024	Năm 2025
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	978.848.581	884.982.885
2	Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	943.424.350	858.118.094
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	843.854.486	767.620.926
4	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	1.136.076.033	1.044.890.054
Ban kiểm soát				
1	Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng BKS	168.910.272	131.760.000
2	Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên BKS	1.054.469.539	948.122.648
3	Ông Đặng Văn Minh	Thành viên BKS	161.872.344	126.264.000
Người quản lý khác				
1	Bà Phạm Thị Hồng Hà (miễn nhiệm từ 03/2025)	Kế toán trưởng	743.784.000	450.233.446
2	Ông Ngô Thế Long (bổ nhiệm từ 12/2025)	Kế toán trưởng	-	64.839.800

► GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không phát sinh

► HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Năm 2025, có phát sinh các Hợp đồng giữa Công ty với Công ty con là Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha như sau:

- Hợp đồng cung cấp nhân sự vận hành Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2025, giá trị sau thuế là 959.575.680 đồng.
- Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2025, giá trị sau thuế là 268.410.521 đồng.
- Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2025, giá trị sau thuế là 311.577.111 đồng.

► HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN NĂM 2025

Không phát sinh

► ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế nội bộ về quản trị cũng như các quy định có liên quan đối với công ty đại chúng.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai một số định hướng và giải pháp trọng yếu như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống website để bảo đảm việc cập nhật, công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời tới cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư, qua đó tăng cường tính minh bạch và góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường.
- Song song đó, Công ty duy trì việc tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin đối với cơ quan quản lý và Sở giao dịch chứng khoán, đồng thời công bố trên website theo đúng quy định pháp luật nhằm bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin cung cấp cho nhà đầu tư.
- Công ty tiếp tục xây dựng kế hoạch kế nhiệm, triển khai các chương trình định hướng và đào tạo dành cho thành viên HĐQT, Ban điều hành và các vị trí quản lý chủ chốt khác, qua đó củng cố năng lực quản trị và phát triển đội ngũ lãnh đạo đủ khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.
- Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên cập nhật các xu hướng, thông lệ quản trị tiên tiến trong và ngoài nước nhằm từng bước nâng cao chuẩn mực quản trị, hoàn thiện thực tiễn điều hành và hướng tới hoạt động minh bạch, bền vững hơn.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2025



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim -
Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim -
Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 40

02-C
TY
H
YOU
NAM
HỒ C

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường B'lao, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

T.T.N.H
G
H
MINH



Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 13682981/69180003-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Công ty có một dự án điện mặt trời đang được các cấp có thẩm quyền rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng tại dự án này có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (nếu có) lên báo cáo tài hợp nhất kèm theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.820.600.507.517	2.457.645.874.852
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	691.122.028.395	604.583.867.007
111	1. Tiền		9.614.990.695	9.934.550.077
112	2. Các khoản tương đương tiền		681.507.037.700	594.649.316.930
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.370.308.400.000	930.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.370.308.400.000	930.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		748.097.034.476	908.079.273.402
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	709.610.555.095	871.600.090.421
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.450.254.519	5.569.016.294
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.121.574.295	33.247.789.720
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.085.349.433)	(2.337.623.033)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.303.950.583	14.410.440.031
141	1. Hàng tồn kho		9.303.950.583	14.410.440.031
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.769.094.063	372.294.412
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	893.076.330	372.294.412
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		876.017.733	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.602.640.845.135	5.020.114.791.568
220	I. Tài sản cố định		4.290.803.685.265	4.653.179.202.713
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.290.635.929.718	4.652.918.029.551
222	Nguyên giá		15.506.587.834.670	15.488.065.013.130
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.215.951.904.952)	(10.835.146.983.579)
227	2. Tài sản cố định vô hình		167.755.547	261.173.162
228	Nguyên giá		2.026.804.686	2.335.628.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.859.049.139)	(2.074.454.895)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		6.924.320.494	12.032.167.083
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.924.320.494	12.032.167.083
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	200.563.931.435	250.975.979.980
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		163.203.931.435	143.615.979.980
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		104.348.907.941	103.927.441.792
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.946.742.790	30.060.428.550
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	77.402.165.151	73.867.013.242
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.423.241.352.652	7.477.760.666.420

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.244.650.116.343	2.212.493.304.552
310	I. Nợ ngắn hạn		1.066.956.645.608	935.126.828.876
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	70.148.247.242	72.932.339.765
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		351.992.382	574.703.982
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	194.236.962.712	176.851.612.970
314	4. Phải trả người lao động		55.960.804.654	26.256.092.216
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	10.121.728.962	11.223.292.743
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	592.109.396.887	508.665.171.333
320	7. Vay ngắn hạn	18	123.935.827.224	115.493.643.244
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	20.091.685.545	23.129.972.623
330	II. Nợ dài hạn		1.177.693.470.735	1.277.366.475.676
338	1. Vay dài hạn	18	1.177.693.470.735	1.277.366.475.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.178.591.236.309	5.265.267.361.868
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	5.178.591.236.309	5.265.267.361.868
411	1. Vốn cổ phần		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		501.180.626.722	501.180.626.722
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		391.806.767.238	483.560.619.194
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.115.584.394	87.681.439.639
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		323.691.182.844	395.879.179.555
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		61.603.842.349	56.526.115.952
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.423.241.352.652	7.477.760.666.420

Lâm Đồng, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Lê Xuân Phong
Người lập biểu


Ngô Thế Long
Kế toán trưởng


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
11	4. Giá vốn phát điện và dịch vụ cung cấp	22	(1.081.410.232.297)	(993.655.561.349)
20	5. Lợi nhuận gộp về phát điện và cung cấp dịch vụ		1.203.279.675.997	1.086.943.791.317
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	61.125.652.793	111.263.671.117
22	7. Chi phí tài chính	23	(87.920.978.677)	(46.099.610.183)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(41.558.868.236)	(45.823.836.942)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12	34.587.951.455	29.843.029.903
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(73.369.644.247)	(78.383.273.196)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.137.702.657.321	1.103.567.608.958
31	11. Thu nhập khác		344.631.125	1.625.182.877
32	12. Chi phí khác		(18.140.153)	(338.514.701)
40	13. Lợi nhuận khác		326.490.972	1.286.668.176
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.138.029.148.293	1.104.854.277.134
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(215.305.105.852)	(198.580.691.249)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		922.724.042.441	906.273.585.885
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		915.051.182.844	902.759.179.555
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.672.859.597	3.514.406.330
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.166	2.054
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	2.166	2.054

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Xuân Phong
Người lập biểu

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		1.138.029.148.293	1.104.854.277.134
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		387.717.957.877	386.950.051.420
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		(252.273.600)	317.409.338
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.258.047.942	(25.993.614.572)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(92.444.764.630)	(110.050.325.526)
06	Chi phí lãi vay	23	41.558.868.236	45.823.836.942
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.520.866.984.118	1.401.901.634.736
09	Giảm các khoản phải thu		158.234.944.752	344.858.627.212
10	Giảm hàng tồn kho		1.571.337.539	6.169.839.468
11	Tăng các khoản phải trả		62.702.345.949	7.386.522.601
12	Giảm chi phí trả trước		2.592.903.842	9.543.286.583
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.085.882.017)	(48.456.435.291)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(233.073.267.684)	(171.051.772.541)
16	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác		736.926.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.255.381.078)	(50.450.568.922)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.432.290.911.421	1.499.901.133.846
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(23.214.999.077)	(94.180.092.431)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		232.350.279	-
23	Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn		(1.300.108.400.000)	(970.200.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		930.000.000.000	869.932.824.894
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức lợi nhuận được chia		73.748.012.937	90.325.684.713
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(319.343.035.861)	(104.121.582.824)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(137.071.835.968)	(118.947.483.835)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(889.340.000.000)	(1.208.440.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.026.411.835.968)	(1.327.387.483.835)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		86.536.039.592	68.392.067.187
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		604.583.867.007	536.186.291.363
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.121.796	5.508.457
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	691.122.028.395	604.583.867.007

Lâm Đồng, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Lê Xuân Phong
Người lập biểu


Ngô Thế Long
Kế toán trưởng


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường B'laho, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 222 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 240 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty con), trong đó:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	196.816.862	755.375.069
Tiền gửi ngân hàng	9.418.173.833	9.179.175.008
Các khoản tương đương tiền (*)	681.507.037.700	594.649.316.930
TỔNG CỘNG	691.122.028.395	604.583.867.007

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: kỳ hạn từ 1 tuần đến 1 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm - 2,1%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	706.976.579.192	868.789.206.454
Phải thu từ khách hàng khác	2.633.975.903	2.810.883.967
TỔNG CỘNG	709.610.555.095	871.600.090.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.085.349.433)	(2.337.623.033)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	30.148.414.781	21.271.964.822
Cổ tức được chia	1.929.534.500	11.929.534.500
Khác	1.043.625.014	46.290.398
TỔNG CỘNG	33.121.574.295	33.247.789.720
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên khác	30.192.039.795	21.318.255.220
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.929.534.500	11.929.534.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân VNECO	1.303.257.033	-	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	212.843.322	-	662.843.322	262.843.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Liên	238.632.000	134.432.922	338.632.000	169.316.000
TỔNG CỘNG	2.219.782.355	134.432.922	3.010.418.937	672.795.904

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	8.887.544.119	-	13.911.572.569	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.406.464	-	498.867.462	-
TỔNG CỘNG	9.303.950.583	-	14.410.440.031	-
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	77.402.165.151	-	73.867.013.242	-
TỔNG CỘNG	77.402.165.151	-	73.867.013.242	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
Nguyên giá:	Số đầu năm	9.320.216.489.313	6.027.629.540.604	81.898.143.094	58.103.459.612	15.488.065.013.130	
	- Mua mới	3.961.722.370	18.000.075.648	3.095.469.789	-	25.057.267.807	
	- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	393.085.052	-	-	393.085.052	
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.653.142.372)	(1.630.323.577)	(2.536.152.940)	(6.819.618.889)	
	- Tăng/(giảm) khác	(207.116.180)	98.218.821	-	984.929	(107.912.430)	
	- Phân loại lại	336.727.778	(336.727.778)	-	-	-	
Số cuối năm	9.324.307.823.281	6.043.131.049.975	83.363.289.306	55.568.291.601	217.380.507	15.506.587.834.670	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	1.415.317.482.161	2.371.353.606.920	48.175.985.381	47.826.324.524	217.380.507	3.882.890.779.493	
Giá trị khấu hao lũy kế:	Số đầu năm	5.723.407.669.685	4.991.571.853.394	65.771.057.175	54.179.022.818	10.835.146.983.579	
	- Khấu hao trong năm	204.996.286.758	177.292.700.600	3.331.382.403	2.004.170.501	387.624.540.262	
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.653.142.372)	(1.630.323.577)	(2.536.152.940)	(6.819.618.889)	
	- Phân loại lại	33.582.262	(33.582.262)	-	-	-	
	Số cuối năm	5.928.437.538.705	5.166.177.829.360	67.472.116.001	53.647.040.379	217.380.507	11.215.951.904.952
	Giá trị còn lại:	Số đầu năm	3.596.808.819.628	1.036.057.687.210	16.127.085.919	3.924.436.794	4.652.918.029.551
Số cuối năm		3.395.870.284.576	876.953.220.615	15.891.173.305	1.921.251.222	4.290.635.929.718	

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	5.146.927.019	8.812.074.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	915.069.116	2.818.281.437
Các công trình khác	862.324.359	401.811.373
TỔNG CỘNG	6.924.320.494	12.032.167.083

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	163.203.931.435	-	143.615.979.980	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	70.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	200.563.931.435	-	250.975.979.980	-

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

	Đơn vị tính: VND
	Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	100.079.200.000
Số cuối năm	100.079.200.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	43.536.779.980
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	34.587.951.455
- Cổ tức được chia trong năm	(15.000.000.000)
Số cuối năm	63.124.731.435
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	143.615.979.980
Số cuối năm	163.203.931.435

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh ("Thông báo"), trong đó có nêu một số vi phạm của dự án Nhà máy Điện Gió Phú Lạc – Giai đoạn 2 ("Dự án") của Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Thuận Bình vẫn chưa nhận được văn bản chính thức nào từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là không trọng yếu và sẽ tiếp tục cập nhật với các bên hữu quan khi có hướng dẫn từ các cơ quan chức năng.

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thủy điện A	24.560.000.000	120.344.000.000	3,27	3,27	24.560.000.000	149.328.095.100	3,27	3,27
Vương Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	56.192.000.000	1,03	1,03	12.800.000.000	73.984.000.000	1,03	1,03
TỔNG CỘNG	37.360.000.000	176.536.000.000			37.360.000.000	223.312.095.100		

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	893.076.330	372.294.412
TỔNG CỘNG	893.076.330	372.294.412
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	16.385.641.503	18.966.113.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.808.079.148	3.628.247.937
Khác	8.753.022.139	7.466.067.213
TỔNG CỘNG	26.946.742.790	30.060.428.550

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	59.036.927.589	59.036.927.589	65.931.587.445	65.931.587.445
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.792.020.817	15.792.020.817
- Nippon Koei Ltd	11.240.625.847	11.240.625.847	10.792.730.043	10.792.730.043
- Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
- Khác	22.156.762.445	22.156.762.445	29.499.318.105	29.499.318.105
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.111.319.653	11.111.319.653	7.000.752.320	7.000.752.320
TỔNG CỘNG	70.148.247.242	70.148.247.242	72.932.339.765	72.932.339.765

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	9.386.561.346	172.811.436.093	(151.698.592.186)	30.499.405.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.605.604.604	215.305.105.852	(233.073.267.684)	93.837.442.772
Thuế thu nhập cá nhân	3.383.449.666	6.710.819.979	(9.552.190.900)	542.078.745
Thuế tài nguyên	24.183.298.662	346.929.915.105	(337.450.859.709)	33.662.354.058
Thuế khác	28.292.698.692	146.921.251.968	(139.518.268.776)	35.695.681.884
TỔNG CỘNG	176.851.612.970	888.678.528.997	(871.293.179.255)	194.236.962.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.121.728.962	10.648.742.743
Khác	-	574.550.000
TỔNG CỘNG	10.121.728.962	11.223.292.743

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	591.660.000.000	507.080.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	449.396.887	1.585.171.333
TỔNG CỘNG	592.109.396.887	508.665.171.333
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	591.845.085.775	1.244.229.729
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	264.311.112	507.420.941.604

22-C
Y
I
OUN
AM
CH

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

18. VAY

	Số đầu năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND	
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ			
	Giá trị	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	115.493.643.244	125.629.507.588	(119.085.156.672)	1.897.833.064	123.935.827.224	123.935.827.224
TỔNG CỘNG	115.493.643.244	125.629.507.588	(119.085.156.672)	1.897.833.064	123.935.827.224	123.935.827.224
Vay dài hạn						
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.1)	1.277.366.475.676	-	(143.616.186.884)	43.943.181.943	1.177.693.470.735	1.177.693.470.735
	1.277.366.475.676	-	(143.616.186.884)	43.943.181.943	1.177.693.470.735	1.177.693.470.735
TỔNG CỘNG	1.392.860.118.920	125.629.507.588	(262.701.343.556)	45.841.015.007	1.301.629.297.959	1.301.629.297.959

T.T.N.H.H
C
MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	701.049.302.450	4.005.996.014 JPY	1,11% - 1,6%	Đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	444.455.895.345	16.848.214 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%.	Đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như trình bày ở Thuyết minh số 5.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	156.124.100.164	156.124.100.164 VND	Lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,7%.	Đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Đa Mi.
TỔNG CỘNG					
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	123.935.827.224				
- Vay dài hạn	1.177.693.470.735				

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Lợi nhuận trong năm	Cổ tức đã công bố	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Trích quỹ đầu tư phát triển	Vốn cổ phần		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
							Quỹ đầu tư phát triển			
	4.224.000.000.000	-	-	-	-	4.224.000.000.000	500.620.626.722	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229
	-	-	-	-	-	-	-	902.759.179.555	3.514.406.330	906.273.585.885
	-	-	-	-	-	-	-	(865.920.000.000)	(4.800.000.000)	(870.720.000.000)
	-	-	-	-	-	-	-	(53.203.630.409)	(221.710.837)	(53.425.341.246)
	-	-	-	-	560.000.000	-	560.000.000	(560.000.000)	-	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	-	-	-	501.180.626.722	4.224.000.000.000	501.180.626.722	483.560.619.194	56.526.115.952	5.265.267.361.868
Năm nay	4.224.000.000.000	-	-	-	-	4.224.000.000.000	501.180.626.722	483.560.619.194	56.526.115.952	5.265.267.361.868
	-	-	-	-	-	-	-	915.051.182.844	7.672.859.597	922.724.042.441
	-	-	-	-	-	-	-	(380.160.000.000)	(2.400.000.000)	(382.560.000.000)
	-	-	-	-	-	-	-	(591.360.000.000)	-	(591.360.000.000)
	-	-	-	-	-	-	-	(35.285.034.800)	(195.133.200)	(35.480.168.000)
Số cuối năm	4.224.000.000.000	-	-	-	501.180.626.722	4.224.000.000.000	501.180.626.722	391.806.767.238	61.603.842.349	5.178.591.236.309

(i) Theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty và công ty con đã công bố chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.

(ii) Theo Nghị Quyết số 237/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 591.360.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty phát điện 1	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	971.520.000.000	865.920.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2025: 1.400 VND/cổ phiếu	591.360.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	84.480.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 700 VND/cổ phiếu	295.680.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.200 VND/cổ phiếu	-	506.880.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	-	359.040.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	887.040.000.000	1.203.840.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	84.480.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 700 VND/cổ phiếu	295.680.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	-	1.203.840.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	84.480.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	-	84.480.000.000

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.129.972.623	20.155.200.300
Trích lập thêm trong năm	35.480.168.000	53.425.341.245
Tăng khác	736.926.000	-
Sử dụng trong năm	(39.255.381.078)	(50.450.568.922)
Số cuối năm	20.091.685.545	23.129.972.623

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.279.304.305.067	2.078.244.088.468
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.988.683.706	2.355.264.198
Doanh thu khác	396.919.521	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	5.394.040.247	2.355.264.198
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.279.295.868.047	2.078.244.088.468

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	50.546.324.896	54.726.182.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.078.138.000	25.481.113.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.501.189.897	31.056.375.494
TỔNG CỘNG	61.125.652.793	111.263.671.117

22. GIÁ VỐN PHÁT BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	1.077.110.932.206	991.835.094.395
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.154.160.866	1.820.466.954
Giá vốn khác	145.139.225	-
TỔNG CỘNG	1.081.410.232.297	993.655.561.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.558.868.236	45.823.836.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.362.110.441	275.773.241
TỔNG CỘNG	87.920.978.677	46.099.610.183

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	41.080.754.881	43.102.944.058
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.249.935.129	2.666.611.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.243.429.813	9.800.029.838
Chi phí khác	20.795.524.424	22.813.688.231
TỔNG CỘNG	73.369.644.247	78.383.273.196

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	139.241.513.168	128.776.227.752
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	387.717.957.877	386.950.051.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.048.659.820	54.992.703.374
Chi phí khác bằng tiền	574.259.221.031	501.476.056.171
TỔNG CỘNG	1.154.267.351.896	1.072.195.038.717

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% (năm 2024: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoại trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.
- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 1: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2015), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2019). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 2: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	215.305.105.852	198.580.691.249
	215.305.105.852	198.580.691.249

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.138.029.148.293	1.104.854.277.134
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	227.605.829.659	220.970.855.427
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:		
Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.329.613.342)	(11.831.224.703)
Cổ tức được nhận trong năm	(1.415.627.600)	(5.096.222.648)
Các khoản khác	(637.892.574)	505.889.153
Lãi được chia từ công ty liên kết	(6.917.590.291)	(5.968.605.980)
Chi phí thuế TNDN	215.305.105.852	198.580.691.249

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	3.736.985.158	4.143.032.782
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Doanh thu về phát điện	47.286.977.366	73.791.480.827
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu về phát điện	39.948.185.789	-
Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ tức đã trả	886.416.510.000	1.202.993.835.000
	Chia cổ tức	379.892.790.000	865.311.355.000
	Thu tiền cho vay	-	799.932.824.894
	Lãi cho vay	-	28.539.825.564
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu về phát điện	2.192.060.704.892	2.004.452.607.641
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	5.158.138.000	18.025.113.241
	Nhận cổ tức	5.158.138.000	22.138.728.296
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	1.920.000.000	7.456.000.000
	Cổ tức đã nhận	1.920.000.000	6.816.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	15.000.000.000	29.998.900.000
	Cổ tức đã nhận	25.000.000.000	19.998.900.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và công ty con chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bán điện	695.516.509.480	857.336.249.992
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bán điện	11.460.069.712	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bán điện	-	11.452.956.462
TỔNG CỘNG		706.976.579.192	868.789.206.454
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	1.289.534.500	1.289.534.500
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu về chi hộ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	640.000.000	640.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG		2.929.534.500	11.929.534.500
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	10.707.000.371	4.438.908.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	404.319.282	2.561.844.320
TỔNG CỘNG		11.111.319.653	7.000.752.320
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức	-	506.972.330.802
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	264.311.112	448.610.802
TỔNG CỘNG		264.311.112	507.420.941.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	884.982.885	978.848.581
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	858.118.094	943.424.350
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	767.620.926	843.854.486
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	1.044.890.054	1.136.076.033
TỔNG CỘNG		3.555.611.959	3.902.203.450

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát	131.760.000	168.910.272
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	948.122.648	1.054.469.539
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	126.264.000	161.872.344
TỔNG CỘNG		1.206.146.648	1.385.252.155

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	915.051.182.844	902.759.179.555
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(35.285.034.800)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	915.051.182.844	867.474.144.755
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	422.400.000	422.400.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	422.400.000	422.400.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.166	2.054
- Lãi suy giảm	2.166	2.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 88/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

29. CÁC CAM KẾT

Các cam thuê hoạt động

Công ty và công ty con đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.182.557.761	3.182.557.761
Từ 1 - 5 năm	12.730.231.043	12.730.231.043
Trên 5 năm	61.027.176.577	64.213.137.108
TỔNG CỘNG	76.939.965.381	80.125.925.912

Nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng

Công ty và công ty con đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Công ty và công ty con. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và công ty con đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn. Do đó, Công ty và công ty con chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã Đờng Klui, lỉnh Lâm Đồng. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách một số nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư.

Theo Nghị quyết số 17/NQ-CP được ban hành ngày 26 tháng 1 năm 2026, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương tổ chức triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài. Tiếp theo, Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 881/BCT-ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026, chỉ đạo việc thực hiện chủ trương của Nghị quyết của Chính Phủ như trên.

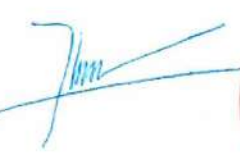
Tại ngày lập báo cáo tài hợp nhất, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề được đề cập trong các tài liệu nêu trên. Theo đó, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (nếu có) của vấn đề này trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Lâm Đồng, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026


Lê Xuân Phong
Người lập biểu


Ngô Thế Long
Kế toán trưởng


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 4 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Cường



EVNGENCO1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



80A Trần Phú, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam



02633 728171



0263 866457



www.dhd.com.vn